

NỮ NHÂN

NỮ NHÂN



* NHỮNG BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ NỮ
NHÂN

* LỜI KẾT

Hôm nay chúng ta tìm hiểu về chủ đề “Nữ Nhân” qua những lời Đức Phật đã dạy trong Kinh tạng Nikāya. Mục đích để mọi người nhìn lại chính mình, biết rõ về bản thân, về những điểm mạnh điểm yếu, cái nào là khiêm khuyết, cái nào là sức mạnh, cái nào chúng ta cần hướng về và không cần hướng về theo sự chỉ dạy của Đức Phật, để từ đó mình mạnh mẽ, can đảm bỏ đi những thành kiến, những điều mà lâu nay vẫn cố công gây dựng, gìn giữ và cho rằng đó là số phận của chính mình.

*“Con nhìn vào trong Kinh,
Rồi nhìn lại chính mình,
Con thấy bao lầm lỗi,
Của nhiều kiếp vô minh”.*

Quý vị học những bài Kinh Đức Phật dạy để biết tại sao chúng ta lại làm thân nữ và bây giờ nếu muốn làm thân nam thì mình phải làm gì? Và cũng từ đây,

những đấng mày râu cũng có dịp xét lại chính mình xem coi nơi bản thân có đang tồn tại những đức tánh của nữ nhi không? Nếu quý vị có những tính cách này thì sau khi nhắm mắt, mình từ hàng ngũ “*có râu*” nhảy qua hàng ngũ “*đánh son*” lúc nào không hay. Nếu kiếp này quý vị có phước duyên là thân nam nhưng lại tạo nghiệp bất thiện gì đó thì có thể kiếp sau mình qua chỗ “*đánh son*” luôn. Còn mấy cô dù kiếp này đang là thân nữ, nếu có những duyên lành gì, có những đức tánh gì thì nhắm mắt đi qua hàng ngũ có râu, quân tử. Nó mau lắm, nhắm mắt thôi là nó theo cái dòng nghiệp, theo tánh tình của mình với thân phận khác liền.

Trong cuộc sống như chúng ta cũng biết, có những người tuy là thân nữ, nhưng tánh tình rất là trượng phu quân tử, rất là hào sảng, rộng rãi. Và cũng có những người là thân nam, nhưng tánh tình lại là tánh tình của nữ nhân, ích kỷ, yếu đuối, nhỏ nhen. Thật ra nam nữ gì cũng yếu đuối, ích kỷ nhỏ nhen hết, nhưng mình học Kinh, lắng nghe lời Phật dạy để biết thân nữ thường có những nghiệp gì? Năng về điều gì? Cần phát huy những khía cạnh nào? Để sau khi học xong, tự soi lại chính bản thân mình, con yếu chỗ này thì con sửa, con mạnh chỗ kia thì con sẽ phát huy.

Khi đọc vào những trang Kinh, chúng ta sẽ thấy Đức Phật thương mình đến dường nào, đại chúng đừng có nghĩ là Đức Phật phân biệt nam nữ, điều đó

hoàn toàn không có! Nam nữ gì thì Ngài cũng thương hết trơn, chẳng qua là Ngài chỉ nói sự thật thôi. Cho nên là có những điều mình nghe Đức Phật nói và dạy cho mình, chúng ta thấy hạnh phúc lắm. Nữ nhân có điểm mạnh gì, có điểm yếu gì để bản thân cố gắng tu sửa và hoàn thiện. Chính sự tu tập, sửa đổi đó giúp cho chúng ta tốt đẹp hơn, tốt hơn với mình hôm qua và đẹp lên rất nhiều cho ngày sau.

I. NHỮNG BÀI KINH ĐỨC PHẬT DẠY VỀ NỮ NHÂN

1. Người Con Gái

“Nhân duyên ở Sāvatti.”

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên.

Rồi một người đi đến vua Pasenadi nước Kosala và báo tin kẻ bên tai vua Pasenadi nước Kosala: “Thưa Đại vương, hoàng hậu Mallikā đã sinh hạ được một người con gái”.

Khi được nói vậy, vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết vua Pasenadi nước Kosala không được hoan hỷ, ngay lúc ấy nói lên bài kệ:

*“Này Nhân chủ, ở đời,
Có một số thiếu nữ,*

*Có thể tốt đẹp hơn,
So sánh với con trai,
Có trí tuệ, giới đức,
Khiến nhạc mẫu thán phục.
Rồi sinh được con trai,
Là anh hùng, quốc chủ,
Người con trai như vậy,
Của người vợ hiền đức,
Thật xứng là Đạo sư,
Giáo giới cho toàn quốc.”*

*(Trích Kinh Tương Ưng, Tập 1 – Thiên Có Kệ -
Chương III: Tương Ưng Kosala – Bài Kinh: Người
Con Gái)*

Bài Kinh đầu tiên là bài Kinh nói về việc sinh con gái. Ở đây Đức Phật dạy về chuyện sinh con gái của vua Ba-Tur-Nặc. Trước khi quy y với Phật, vua Ba-Tur-Nặc đã từng cho người theo dõi Ngài bảy năm; sau này khi hiểu rồi ông thương kính Phật lắm, rảnh là ông vào thăm, đánh lễ Phật. Mỗi ngày, có khi ông vào thăm Phật đến năm lần; hôm đó vua Ba-Tur-Nặc mới vào đánh lễ Đức Phật và ngồi một bên, thì lúc này có một vị quan cận thần vào thưa với vua rằng: “*Kính thưa đức Vua, Hoàng hậu Mạt-Lợi vừa sanh con gái*”. Vua nghe câu đó xong nên buồn, vì ông muốn có một hoàng tử hơn là công chúa.

Đức Phật mới hỏi là tại sao đức Vua lại không hoan hỷ, thì ông mới bạch Phật là Hoàng hậu sanh con gái, cho nên con không có vui. Thế Tôn nghe vậy nên Ngài đã dạy:

*“Này Nhân chủ, ở đời
 Có một số thiếu nữ,
 Có thể tốt đẹp hơn,
 So sánh với con trai.
 Khiến nhạc mẫu thán phục.
 Rồi sinh được con trai,
 Là anh hùng, quốc chủ.
 Người con trai như vậy,
 Của người vợ hiền đức,
 Thật xứng là Đạo sư,
 Giáo giới cho toàn quốc”.*

Đức Phật phân tích cho vua thấy là một vị anh hùng, một vị vua sanh ra từ đâu? Có phải sanh ra từ người nữ không? Và ngay cả Đức Phật hay một vị Thánh nhân, vị Vua và bậc anh hùng nào đó, cũng phải từ người nữ mà sanh ra. Có những người nữ tốt đẹp về đức hạnh, trí tuệ, thành công và có giới đức hơn hẳn nam nhi. Ở đời đâu phải người nữ nào cũng thua nam nhân đâu?

Qua lời dạy của Thế Tôn, khi thấy vua Ba-Tư-Nặc buồn vì nghe bà Mạt-Lợi sinh con gái; Ngài mới nói Đức Vua không có gì phải buồn, vì có những

người nữ còn tốt đẹp hơn những người nam về giới đức, trí tuệ. Rồi từ những bậc Thánh, những bậc anh hùng, những bậc vua chúa cũng sanh ra từ người nữ. Cho nên chẳng có gì mà Đức Vua phải buồn cả. Vậy có phải đoạn này Đức Phật đang khen người nữ không? Dù là bậc Thánh nhân đi chăng nữa thì cũng phải từ người mẹ mà sanh ra. Ngay cả Đức Phật cũng vậy, khi Ngài là Thái tử thì mẹ của Ngài là ai? Mẹ Ngài là Hoàng hậu Māyā, sau khi sinh Ngài ra bảy ngày thì Bà mất. Vì sao Hoàng hậu Māyā lại mất sớm như vậy?

Lý do thứ nhất do Bà hết tuổi thọ. Tức là hết nghiệp, hết tuổi thọ nên Bà mất.

Lý do thứ hai là Hoàng hậu Māyā trong tiền kiếp đã nguyện là được làm Mẹ của một vị Phật kiếp cuối. Những tháng ngày Bà mang thai Thái tử Tất-Đạt-Đa trong lòng, cho đến sau khi sinh ra rồi, với sự thanh tịnh và những công đức của Bà thì không thể để người nam nào đụng vào mình. Sau đó thì Bà mất và sanh lên cõi chư Thiên làm một vị Thiên nam tại cõi trời Đâu Suất. Vào mùa Hạ thứ bảy, Đức Phật lên cung trời Đao-Lợi thuyết Pháp, Ngài cho người thỉnh vị Thiên nam có tiền thân là Hoàng Hậu Māyā từ cõi Đâu-Suất xuống cõi Đao-Lợi nghe Pháp để hóa độ.

Đại chúng thấy ngay cả Đức Phật cũng vậy, cũng phải từ người nữ mà sanh ra. Một bậc Thánh,

một vị vua anh hùng cũng từ người nữ mà sanh ra. Mà người nữ cũng có giới đức, có trí tuệ hơn những người nam, không phải người nữ nào cũng là thua kém. Đó là nội dung của bài Kinh thứ nhất.

2. Sức Mạnh Của Nữ Nhân

“Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có năm sức mạnh này. Thế nào là năm?”

- *Sức mạnh sắc đẹp,*
- *Sức mạnh tài sản,*
- *Sức mạnh bà con,*
- *Sức mạnh con trai,*
- *Sức mạnh giới hạnh.*

Này các Tỷ-kheo, người đàn bà có đầy đủ năm sức mạnh này. Đầy đủ năm sức mạnh này, này các Tỷ-kheo, người đàn bà sống ở nhà không có sợ hãi.”

(Trích Kinh Tương Ưng - Chương Ba: Tương Ưng Nữ Nhân - Phẩm Các Sức Mạnh – Bài Kinh: Không Sợ Hãi (Visāradā))

Trong bài Kinh này, Đức Phật nói về **năm sức mạnh** của người phụ nữ gồm:

- 1/ **Sắc đẹp.**
- 2/ **Tài sản.**
- 3/ **Bà con:** sanh vào dòng dõi có bà con quyền thuộc cao quý.

4/ Sinh con trai.

5/ Giới hạnh hay đức hạnh.

Đây là năm sức mạnh của người nữ. Trong năm điều này, Đức Phật có nói sức mạnh của nữ nhân là sắc đẹp, có tài sản, có bà con và sanh con trai cũng là điểm mạnh. Nhưng cái mấu chốt trong bài Kinh này, Đức Phật dạy **sức mạnh quan trọng nhất của người nữ đó là sức mạnh của giới hạnh**. Không phải do sắc đẹp, tài sản, bà con hay việc sanh con trai mà nữ nhân được sanh lên cõi lành hay Thiên giới, mà chính sức mạnh của giới hạnh mới giúp nữ nhân sanh lên cõi lành, sanh ở Thiên giới! Đức Phật đưa ra năm điều này, tự bản thân của quý vị chọn lựa, mình muốn đẹp cách nào tùy mình. Em đẹp theo cách của em! Cách của em như thế nào thì mỗi em tự biết.

*“Mỗi sáng ta thức dậy,
Ta nhìn vào trong gương,
Bỗng nhiên ta hốt hoảng,
Ôi thật là dễ thương!”*

Cũng có khi: *“Đôi lúc không dám soi gương, sợ mình thấy hết nét dễ thương của mình!”* Thôi thì không ai khen mình thì mình tự khen mình, ôi thật là dễ thương! Không ai khen mình thì mình cũng tự an ủi. Nhiều lúc đứng trước gương khi có bộ đồ đẹp, em đứng trước gương thay hết quần này đến áo nọ, nhưng mà trời lại đổ mưa. Định mặc đồ đẹp đi dạo phố, đứng

trước gương đi tới đi lui hoài mà trời mưa; cuối cùng, không được mặc bộ đồ đẹp để đi. Song, chính việc suốt ngày lo trang điểm đó lại là một trong những cái nhân để chúng ta làm nữ.

Bài Kinh này, Đức Phật dạy sức mạnh mầu chót của nữ nhân không phải chỉ là ở bốn điều trên, mà chính giới hạnh, đức hạnh là sức mạnh quyết định bốn điều còn lại.

3. Tám Sức Mạnh Ở Đời

“Này các Tỷ kheo, có tám sức mạnh này. Thế nào là tám? Này các Tỷ kheo,

- *sức mạnh của con nít là khóc;*
- *sức mạnh của đàn bà là phần nộ;*
- *sức mạnh của người ăn trộm là vũ khí;*
- *sức mạnh của Vua chúa là uy quyền;*
- *sức mạnh của kẻ ngu là áp đảo;*
- *sức mạnh của bậc hiền trí là cảm hóa;*
- *sức mạnh của vị nghe nhiều là thẩm sát;*
- *sức mạnh của Sa-môn, Bà-la-môn là nhân nhục.*

Này các Tỷ kheo, đây là tám sức mạnh”.

(Trích Kinh Tăng Chi III - Chương 8 Pháp - Phẩm Gia Chủ - Phần Sức Mạnh 1)

Trong bài Kinh thứ ba này, chúng ta học về **tám sức mạnh ở đời**:

1/ Sức mạnh của con nít, của trẻ nhỏ là tiếng khóc. Làm gì làm chứ khi chúng ta nghe con nít hay con cháu của mình khóc là phải buông tất cả mà chạy vô lo cho nó liền.

2/ Sức mạnh của đàn bà, của người phụ nữ là sự phần nộ, tức giận. Có đoạn đối thoại vui rằng: *“Em bảo: Anh đi đi! Sao anh không dừng lại? Em bảo: Anh đừng đợi! Sao anh vội về ngay? Ôi, lời nói gió bay. Đôi mắt buồn dăm lệ. Sao mà anh ngốc thế? Chẳng nhìn vào mắt em”*. Đó, cổ giận lên là nói một đường, làm một nẻo. Kêu đi đi, cái ông kia đi, thì cổ kêu sao anh không dừng lại; cổ kêu đừng có đợi, ông đi về thì trách sao anh về nhanh vậy. Sức mạnh của phụ nữ là phần nộ, khó hiểu vậy đó quý vị.

3/ Sức mạnh của kẻ ăn trộm là vũ khí. *Khi bị phát giác và truy đuổi, họ không ngần ngại sử dụng vũ lực để thoát thân.*

4/ Sức mạnh của Vua chúa là uy quyền. Vua chúa là người nắm quyền sinh sát của toàn thể dân tộc của một đất nước.

5/ Sức mạnh của kẻ ngu là sự áp đảo. Họ có thể dùng tay, chân hay nhiều hình thức khác nhau để áp đảo

người khác, mà ông bà mình hay gọi đó là sự ngang tàn.

6/ Sức mạnh của người hiền trí (bậc có trí tuệ) đó là sự cảm hóa. Kẻ ngu thì áp đảo người khác, còn bậc hiền trí là cảm hóa, dùng trí tuệ và từ bi nhiếp phục tâm người khác, hướng họ đến cuộc sống hiền thiện.

7/ Sức mạnh của bậc đa văn là học rộng, nghe nhiều; một câu Kinh mà hiểu nhiều tầng nghĩa khác nhau - đó là thâm sát. Cũng giống như nghe được một bài Kinh nọ, nếu học giỏi giáo lý thì cũng là một câu Kinh đó thôi nhưng đại chúng sẽ hiểu ra nhiều nghĩa khác nhau; Còn trong đầu mình mà chỉ có năm ba chữ làm vốn thì nghe câu đó xong, đôi lúc chỉ hiểu có chút xíu thôi. Còn có nhiều đoạn Kinh, Kinh hiểu mình chứ mình không có hiểu Kinh. Rõ ràng như vậy! Cho nên quý vị muốn có trí tuệ như biển, muốn đa văn, học rộng, nghe nhiều,... thì phải học. Khi chúng ta học rồi thì lạ lắm, học và hiểu một bài Kinh, hai bài, ba bài, bốn bài, năm bài Kinh mà có học hiểu giáo lý thì mình sẽ thấy khác liền. Hay vậy đó, cho nên khi học Kinh này ta hiểu Kinh kia, học Kinh kia lại hiểu Kinh nọ. Phật Pháp là như vậy đó, nên sức mạnh của bậc đa văn là thâm sát.

8/ Sức mạnh của người tu, gọi là của Sa-môn, Bà-la-môn, tức là người tu sĩ, đó là sự kham nhẫn, sự nhẫn nhục. Vì cuộc sống của mình là thường đối diện với

những điều bất trắc, bất toại, đổi thay. Không có kham nhẫn là coi như mình khổ - khổ mướt mùa Lệ Thủy, khổ mướt mùa sơn khô luôn. Không có kham nhẫn là suốt ngày mình dễ sống trong sự giận hờn lắm vì cảnh trần vốn bất toại, đổi thay.

Trong bài Kinh này, Đức Phật có nói đến một sức mạnh liên quan đến nữ nhân đó là sự nhẫn nại. Người nữ có nhiều kiểu cách giận hờn lạ lắm, chúng ta tự nhìn lại bản thân có phải vậy không? Có cô kia, cô nói với người bạn cô là: *“Cho anh biết nha, anh có nghe lời tui không? Không nghe là đi ra ngoài mưa cho trúng gió, cho anh biết”*. Cuối cùng là giận người ta, đi ra ngoài mưa trúng gió, cho người kia khổ chơi vậy đó. Tức là mình tự hành hạ bản thân mình để cho người ta khổ.

Kết hợp với năm sức mạnh của bài Kinh đầu tiên thì ở đây, quý vị học thêm một sức mạnh của người nữ nữa đó là sự giận hờn. Đại chúng tự xét thử coi, trong sáu sức mạnh này, mình có được mấy cái? Giận hờn là có chắc rồi. Nhan sắc thì sao? Nhan sắc thì cũng tạm đủ. Tài sản thì sao? Tài sản thì cũng tạm tạm. Thôi thì tự xét lại bản thân nhưng mà mấu chốt nhất, quan trọng nhất là sức mạnh của giới hạnh. Đó là bài Kinh thứ ba, trong tám loại sức mạnh thì có một sức mạnh là của nữ nhân, đó là sự giận hờn.

4. Hình Mẫu Lý Tưởng Của Người Nữ Cư Sĩ

“Cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như gia chủ Citta và Hatthaka ở Alavī”. Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka ở Alavī.

Nữ cư sĩ có tín tâm, này các Tỷ-kheo, nếu hy cầu một cách chơn chánh, sẽ hy cầu như sau: “Mong rằng ta sẽ như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Velukantakiyā, mẹ của Nanda”. Đây là cán cân, này các Tỷ-kheo, đây là đồ đo lường đối với các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Velukantakiyā, mẹ của Nanda.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương II Pháp - Phẩm Hy Cầu - Bài Kinh Hy cầu)

Bài Kinh thứ tư nói về mẫu hình người nữ cư sĩ mẫu mực, làm cán cân để cho chúng ta hướng về học hỏi. Đây được xem là cán cân, thước đo chuẩn về thiện nam, tín nữ cư sĩ theo lời Phật dạy. Đối với nữ cư sĩ thì nhiều vị lắm nhưng Đức Phật lấy ra đây hai người:

Một là Cô gái lưng gù được Đức Phật tán thán là đa văn đệ nhất trong hàng nữ cư sĩ, cô tên là Khujjuttarā. Cô này lưng thì bị gù, thân phận thì là nô lệ, nhiệm vụ của cô là hầu Hoàng hậu Sāmāvatī và đi mua hoa trang trí cung điện. Mà mỗi lần mua, lúc chưa

có đắc Thánh, cô còn tâm tham, mua một ít thôi, cô giữ lại một ít. Lần đó, cô đi mua hoa thì ông chủ tiệm đem hoa đi cúng dường Đức Phật, ông đi nghe Pháp nên nhân dịp đó cô cũng đi nghe Pháp luôn. Sau khi nghe Pháp xong thì cô đắc Sơ quả. Khi một vị đắc Sơ quả rồi thì không còn phạm giới, niềm tin là bất động.

Từ lúc đó, thay vì lúc trước có 10 đồng, cô mua 5 đồng, giữ riêng 5 đồng. Từ sau khi đắc Sơ quả, cô mua hết 10 đồng. Hiển nhiên nếu mua hết 10 đồng thì hoa nhiều hơn lúc trước. Lúc mang về cung thì Hoàng hậu mới hỏi cô là sao mọi lần hoa mua ít, mà nay mua nhiều vậy? Cô mới nói với Hoàng hậu là *“em của ngày hôm nay, khác em của ngày hôm qua”*. Hoàng hậu mới hỏi: *“Khác cái gì?”*, thì cô mới kể là cô nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn được như vậy, như vậy đó. Hoàng hậu cũng là một vị Phật tử thuần thành nên mới hỏi: *“Vậy em có thể nói cho hoàng hậu và những người cung nữ ở đây nghe được không?”*. Tức là Hoàng hậu Sāmavātī thỉnh cô tỳ nữ nói Pháp, cô mới trả lời là: *“Hoàng hậu là sếp của em, người ăn trên ngồi trước em, Hoàng hậu nói thì em nghe. Nhưng riêng cái vụ thuyết Pháp thì thỉnh em mới thuyết, mà lúc em thuyết thì Hoàng hậu phải ngồi thấp hơn em một chút”* (để biểu hiện tôn trọng Pháp).

Cho nên, đại chúng học được điều gì ở đây? Đối với một vị mà đắc Thánh rồi, kêu chết thì chết thôi, chứ nói một câu mà sai Pháp là họ không nói được, vì

trong lòng là tôn trọng Pháp, Pháp là số một, họ thà “*bỏ mạng chứ không bỏ Đạo*”. Chính Đức Phật cũng nương tựa Pháp, cũng tôn trọng Pháp, lấy Pháp làm tràng phan, lấy Pháp làm tối thượng. Nhưng trong thời Mạt Pháp, kêu người ta bỏ đạo thì bỏ chứ họ không hy sinh cho Đạo. Thời Mạt Pháp là như vậy đó.

Ở đây, chúng ta thấy là cô này khi Hoàng hậu thỉnh cô thuyết Pháp thì có hai yêu cầu: thứ nhất là phải thỉnh mới thuyết, thứ hai là cô lúc thuyết thì Hoàng hậu phải ngồi thấp hơn. Trong khi cô này là nô tỳ mà nói với Hoàng hậu như vậy và sau đó thì Hoàng hậu với 500 cung nữ cũng được nghe Pháp.

Lý do thân phận của cô là một người tỳ nữ, vì do tiền nghiệp trong quá khứ cô là một tiểu thư danh giá, từng sai khiến một người bạn vốn dĩ đã xuất gia, lấy giùm một món đồ trang điểm cho cô. Vị Tỳ-kheo-ni đó lại là một bậc Thánh, vì lòng từ bi nghĩ nếu không lấy giùm đồ thì cô bạn mình sẽ nổi giận và bị đọa sâu vào ác đạo nên bèn làm theo ý cô để bớt đi tội nghiệp, chỉ gánh lấy thân phận thấp kém trong kiếp hiện tại mà thôi. Cô tiểu thư này hết người sai mà sai trúng bậc Thánh, cho nên câu chuyện của cô gái lưng gù này cũng là bài học đáng giá cho mỗi chúng ta. Giả dụ mà mình có quyền đó ghen, việc gì cần nhờ thì nhờ, việc gì cần sai mới sai. Chứ không phải việc gì cũng nhờ, cũng đem cái quyền đó ra nhờ. Hết phước mà sai trúng bậc Thánh là coi chừng làm thân phận thấp kém, và

cô tiêu thư ở tiền kiếp nay có thân phận nô tỳ ở kiếp hiện tại.

Thứ hai là cô bị lưng gù, vì trong một kiếp không có Đức Phật Chánh Đẳng Giác, chỉ có vị Phật Độc giác thôi; có một lần cô với vài vị nữa cùng đường các vị Phật Độc Giác. Mấy người bạn mới hỏi là trong các vị Phật Độc Giác đó, ai là sư phụ của em? Thì cô mới nhìn về vị sư phụ - vị Phật Độc Giác đó có cái lưng hơi gù, thì cô diễn tả cái lưng gù gù, “*đây đây sư phụ của em, cái lưng gù gù vậy đó!*”. Dù không phải bắt kính, nhưng mà có một chút gì đó giống, một chút gì đó xem thường bậc Thánh nên bây giờ lưng thì bị gù, thân phận thì là nô tỳ.

Như chúng ta được biết, cô Khujjuttarā là bậc trí tuệ đa văn đệ nhất, đọc qua là nhớ. Trong hàng ngũ xuất gia, Thầy A-Nan là đa văn đệ nhất, thì trong hàng ngũ cư sĩ, cô Khujjuttarā này là đa văn đệ nhất. Cho nên Đức Phật dạy, nếu trong đời sống tại gia, về nữ cư sĩ thì cán cân đo lường để học hỏi theo, thứ nhất là cô Khujjuttarā này.

• Người cư sĩ nữ thứ hai mà Đức Phật nói mình hướng về để làm mẫu mực, làm cán cân, đó chính là cô Velukantakiyā, hay còn đọc là mẹ của Nan-Đà (*Nanda*).

Cô là con của hai vợ chồng ông Punna vốn sống bằng nghề làm ruộng; có lần hai vợ chồng cùng đường

bữa ăn cho Ngài Đại-Ca-Điếp (*Mahā Kassapa*) lúc Ngài mới xả Diệt Thọ Tướng Định xong, nhờ công đức bố thí hợp thời này mà đất của hai vợ chồng ông Punna đã biến thành vàng. Cha mẹ và cô đã phát nguyện cúng dường Trai Tăng liên tục trong vòng bảy ngày, và sau đó đều chứng Thánh hết.

Là một tín nữ đã chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn, nhưng cô được gả cho một gia đình giàu có, mà nhà chồng lại không có tin kính Phật Pháp. Cho nên việc cô muốn cúng dường cho Đức Phật, Đức Pháp và Đức Tăng luôn bị người chồng cản trở. Vì giàu có đâu phải thiếu tiền, cô mới thuê một kỹ nữ rất đẹp thời đó về lo cho chồng thay cô. Khi cô kỹ nữ này về lo cho chồng rồi thì cô mới có thời gian sắp xếp nấu nướng để cúng dường lên Tam Bảo. Về phần cô kỹ nữ nọ được thuê về để lo cho chồng mình, mà lo riết cho ông chồng, sống như làm vợ chính thức của ông luôn và còn lại xem thường cô vợ chính thức là cô Velukantakiyā này.

Có một lần, cô kỹ nữ phẫn giận và đổ kị lấy chảo dầu đang sôi, tạt vào người cô. Nhưng vì lòng từ của một bậc Thánh, vì thương và cảm ơn cô kỹ nữ này đã chăm sóc cho chồng mình để cô có thời gian cúng dường Tam Bảo. Với lòng từ như vậy, khi mà chảo dầu tạt vào người cô, thì nó trở thành làn nước mát, chứ không hề làm cô bị phỏng. Cô là vị tín nữ cư sĩ được Đức Phật tán thán là tu thiện đệ nhất, còn cô

Khujjuttarā kia được Đức Phật tán thán là Đa văn đệ nhất.

Trong Kinh Tăng Chi tập 1, chương Hai Pháp có đoạn kinh Đức Phật đã dạy về những tấm gương của các bậc Thánh thời Phật tại thế; có thể làm cán cân để hậu thế mai sau như chúng ta lấy đó noi theo như:

- Về người xuất gia bên Tăng, người làm cán cân mẫu mực là Thầy Xá-Lợi-Phất là Trí tuệ Đệ nhất và Thầy Mục-Kiên-Liên là Thần thông Đệ nhất.

- Còn bên Ni là Ni sư Liên-Hoa-Sắc, là Thần thông Đệ nhất; và Ni sư Khema, Trí tuệ Đệ nhất.

- Về phía Nam cư sĩ, Đức Phật nói về hai vị, đó là Hatthaka Alavaka, đệ nhất về nhiếp chúng. Ông có thể nhiếp phục số đông quần chúng bằng bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Vị này là có khả năng dùng Tứ Nhiếp Pháp để mà cảm hóa người khác. Vị nam cư sĩ thứ hai là ông Citta Macchikasandika. Đức Phật tán thán ông là Đệ nhất thuyết Pháp, tuy là cư sĩ nhưng là Đệ nhất thuyết Pháp. Thầy Phú-Lâu-Na là Đệ nhất thuyết Pháp bên hội chúng Tỳ-kheo-tăng, còn bên hàng cư sĩ là ông cận sự nam Citta này. Ông là người giàu có, là vị trưởng giả trí thức và rất giỏi về trí tuệ, về tu tập giới đức, rất là có uy tín. Cho nên việc ông thuyết Pháp giúp đỡ được rất nhiều người, ông đưa nhiều người về với Phật Pháp.

• Còn bên hàng cận sự nữ chính là cô thị nữ lưng gù Khujjuttarā và Velukantakiyā, mẹ của Nanda ở bài kinh trên.

5. Hương Bay Ngược Gió (Khi nơi nào có nam nữ quy y và thọ trì năm giới)

“Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo gió, không bay ngược gió. Thế nào là ba? Cây hương rế, cây hương lồi và cây hương hoa. Có ba loại cây hương này, bạch Thế Tôn, hương của chúng bay theo chiều gió, không bay ngược gió. Bạch Thế Tôn, có thể có loại cây hương nào, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Có loại cây hương, này Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

- Bạch Thế Tôn, loại cây hương ấy là gì, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió?

- Ở đây, này Ānanda, tại làng nào hay tại thị trấn nào, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của

không cho, từ bỏ sống tà hạnh trong dục vọng, từ bỏ nói láo, từ bỏ dùng rượu, men rượu nấu làm say người, giữ giới, tâm tánh hiền lương, sống trong nhà với tâm không nhiễm xen tham, bố thí không luyến tiếc với tay rộng mở, thích thú từ bỏ, sẵn sàng được yêu cầu, ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Người như vậy, được các Sa-môn, Bà-la-môn tán thán khắp bốn phương: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ... ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Chư Thiên và các phi nhân cũng tán thán: tại làng ấy, hay tại thị trấn ấy, có nữ nhân hay nam nhân quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, ... ưa thích chia sẻ đồ bố thí. Cây hương như vậy, này Ānanda, có hương bay thuận gió, có hương bay ngược gió, có hương bay thuận gió ngược gió.

*“Không một hương hoa nào
Bay ngược chiều gió thổi
Dầu là hoa chiêm-đàn
Già-là hay mạt-ly
Chỉ hương người đức hạnh
Bay ngược chiều gió thổi
Chỉ có Bạc Chân nhân
Biến mãn mọi phương trời.”*

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương III Pháp - Phẩm Ānanda - Kinh Hương)

Bài Kinh thứ năm Đức Phật dạy, có một số loại hương bay ngược chiều gió. Ví dụ như với những loại cây có hương thơm như hoa nguyệt quế, hoa sữa, các loại hoa nào mà nó thơm, thì thuận chiều gió mình mới nghe mùi thơm, hoặc phải đến gần mà người mới cảm nhận được mùi thơm của chúng. Hoa ngược chiều gió thì sao có thể thơm được? Nhưng ở đây, Đức Phật nói là có những mùi hương bay ngược chiều gió. Vậy hương gì mà bay ngược chiều gió? Trong Kinh Tăng Chi, chương Ba Pháp, Phẩm Ānanda, bài Kinh Hương này, Phật nói rằng: Có những loài hoa không bay ngược chiều gió nhưng có những loại hoa lại ngược gió tỏa hương. Đó là ở đâu có những nam nhân và nữ nhân quy y Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) và giữ gìn 5 giới là từ bỏ sát sanh, từ bỏ trộm cắp, từ bỏ tà hạnh, từ bỏ nói dối và từ bỏ uống rượu.

Ngài dạy như thế này: *“Không một hương hoa nào, bay ngược chiều gió thổi, dầu là hoa chiêm đàn, sala hay mặt-ly. Chỉ hương người đức hạnh, bay ngược chiều gió thổi. Chỉ có bậc chân nhân, biến mãn mọi phương trời.”* Các loài hương hoa thì không bay ngược được chiều gió nhưng hương người đức hạnh thì ngược gió tung bay. Nghĩa là, khi mình có Tam quy và Ngũ giới thì hương thơm đức hạnh có tiếng lành đồn xa, hương bay ngược gió chính là hương của người đức hạnh, là người có thọ trì Tam quy và Ngũ giới.

Vậy qua bài kinh này, đại chúng thấy được việc mình thọ Tam quy và Ngũ giới, được làm đệ tử của Đức Phật là hạnh phúc của đời mình không? Đến một lúc nào đó mình lại tự hiểu ra, làm đệ tử của Đức Phật là phần phước của đời mình! Có những con người chỉ cần lạy một lạy với tâm tôn kính mà mình được lên trên kia ở. Nếu nhiều lần chúng ta chịu để ý, có những lúc thấy tứ đại trở chứng nào là đau bao tử, đau đầu, đau lưng cũng ngán lắm. Tại vì ở trên cõi chư Thiên không có già, không có bệnh, hết tuổi thọ là tái sinh thôi, nên chư Thiên đa phần là hưởng phước. Còn địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đa phần là trả nghiệp bất thiện. Đôi lúc mình thấy cũng rầu cái thân mình quá, lên chư Thiên đâu có sợ đói bụng đâu, khỏi ăn khỏi buồn ngủ, không phải mất quá nhiều thời gian phục vụ cho tấm thân này, mà còn có cơ hội được nghe giảng Pháp của các bậc Thánh trên đó nữa thì hạnh phúc nào cho bằng, có phải vậy không?

6. Mong Muốn – Cận Hành – Điểm Tựa – Xu Hướng Và Cứu Cánh Của Nữ Nhân

“1. Rồi Bà-la-môn Jānussoni đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jānussoni bạch Thế Tôn:

2. – *Đối với Sát-đế-ly, thưa Tôn giả Gotama, vị ấy mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?*

– *Đối với Sát-đế-ly, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, sức mạnh là điểm tựa, xu hướng là trái đất, cứu cánh là tự tại.*

– *Nhưng đối với Bà-la-môn, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?*

– *Đối với Bà-la-môn, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, chủ thuật là điểm tựa, tế tự là xu hướng, cứu cánh là Phạm thiên giới.*

– *Nhưng đối với gia chủ, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?*

– *Đối với gia chủ, này Bà-la-môn, tài sản là mong muốn, trí tuệ là cận hành, nghề nghiệp là điểm tựa, công việc là xu hướng, thành tựu công việc là cứu cánh.*

– *Nhưng đối với nữ nhân, thưa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?*

– *Đối với nữ nhân, này Bà-la-môn, đàn ông là mong muốn, trang điểm là cận hành, điểm tựa là*

con cái, không có địch thù là xu hướng, tự tại là cứu cánh.

– Nhưng đối với người ăn trộm, thừa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với người ăn trộm, này Bà-la-môn, đồ lấy được là mong muốn, rình rập là cận hành, đao trượng là điểm tựa, tối tăm là xu hướng, không bị thấy là cứu cánh.

– Nhưng đối với Sa-môn, thừa Tôn giả Gotama, mong muốn cái gì, cận hành cái gì, điểm tựa cái gì, xu hướng cái gì, cứu cánh cái gì?

– Đối với Sa-môn, này Bà-la-môn, nhẫn nhục nhu hòa là mong muốn, trí tuệ là cận hành, giới hạnh là điểm tựa, không có sở hữu là xu hướng, Niết-bàn là cứu cánh.

3. – Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama. Thật hy hữu thay, thừa Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng và cứu cánh của các Sát-đế-ly, Tôn giả Gotama rõ biết mong muốn, cận hành, điểm tựa, xu hướng, cứu cánh của các Bà-la-môn... của các gia chủ... của các nữ nhân... của các người ăn trộm... của các Sa-môn. Thật vi diệu thay, thừa Tôn giả Gotama! ... Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ

tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung con xin trọn đời quy ngưỡng!’’.

(Kinh Tăng Chi - Chương VI Pháp - Phẩm Dhammamika - Bài Kinh Vị Sát Đế Ly)

Bài Kinh này rất là hay, trong bài Đức Phật nói về 5 điều của người nữ:

- 1/ Mong muốn của nữ nhân: chính là đàn ông.
- 2/ Cạn hành của nữ nhân: là trang điểm.
- 3/ Điểm tựa của nữ nhân: là con cái.
- 4/ Xu hướng của nữ nhân: là không có địch thủ, tức là không có kẻ thù.
- 5/ Cứu cánh của nữ nhân: là tự tại hay quyền tự quyết.

Ở điều đầu tiên Đức Phật nói về mong muốn của nữ nhân là đàn ông. Dĩ nhiên ở đây không phải là tất cả, mà Ngài nói cho số đông. Phần đông nữ nhân đều muốn có một người đàn ông bên cạnh để lúc buồn, lúc vui, lúc lẻ loi, lúc cô đơn có bờ vai, có người mà nương tựa, chia sẻ.

Chúng ta đang sống trong cõi Dục thì gần như ai cũng dễ đắm vào các dục, phần đông thôi chứ không phải ai cũng vậy. Cái dục ở đây nếu nói thô là tài, sắc, danh, thực, thùỳ hay còn gọi là sắc, thanh, hương, vị,

xúc. Đó là những gì mà mắt ưa nhìn, tai mê nghe, mũi thích ngửi, vị khoái nếm và những xúc chạm nơi thân mỗi người. Đã ở cõi dục thì thế nào chúng ta cũng bị đắm trong đây. Trừ một số trường hợp có những bậc nhiều kiếp ở trên cõi Phạm Thiên đắc Sơ thiên, sanh xuống đây còn cái chón thì người đó ít đắm nhiễm vào năm dục, nhưng trong cái gốc thì vẫn còn.

Trong các dục đó thì dục nặng nhất mà dễ cho mình trầm luân nhất, đó là dục phái tính. Ở đây đang nói về nữ nhân, mong muốn của người nữ chính là người nam để được khổ vui, khó khăn, hay hạnh phúc có nhau, để khi lẻ loi cô đơn có một bờ vai mà nương tựa.

Kế tiếp cận hành của nữ nhân, là cái mà hằng ngày người nữ đều tiếp xúc, đó chính là trang điểm. Chuyện mình trang điểm là không có xấu, nhưng nếu cứ suốt ngày trang điểm, suốt ngày làm đẹp thì chúng ta cứ làm nữ miết thôi. Làm đẹp thì cứ làm đẹp nhưng trong một cái chừng mực nào đó, vì lời Phật đã dạy mà mình không nghe thì đành chịu. Đây là một trong những việc mà người nữ khó thoát ra được.

Trong Thánh Nhân Ký Sự thuộc Tiểu Bộ Kinh, có một vị nữ cư sĩ từng nguyện như thế này: *“Nguyện cho con sinh ra những kiếp sau được đẹp nhưng mà đẹp không cần son phấn”*. Vậy nên, việc trang điểm không phải là xấu, nhưng cứ suốt ngày trang điểm thì

phải coi lại. Ví dụ mình hay nói câu: ăn cái gì cũng cảm thấy ngon là tốt, nhưng không phải thấy cái gì ngon cũng ăn và mới ăn thì không được. Cho nên, nếu chúng ta suốt ngày lo hình sắc của mình thì chính cái đó làm bản thân ta không thoát được thân người nữ. Chiều sâu của bài Kinh này là ở chỗ, đa phần nữ nhân là dính vào cái chuyện trang điểm. Hôm nay mình đã được học tới đây rồi thì sao? Dạ con cũng trang điểm, nhưng cái trang điểm đẹp nhất là trang điểm cho tâm linh, cho đời sống tinh thần của mình. Đó chính là sự học Pháp, gieo vào thiện pháp là giới, định và tuệ, Thiện pháp là đức hạnh của mỗi chúng ta: *“Hoa quỳnh đẹp nhất về đêm, còn em đẹp nhất khi em đến chùa”*. Khi em đến chùa thì em dễ thương lắm. Em trang điểm cho bản thân bằng oai nghi, nụ cười; bằng ánh mắt từ bi, hỷ xả, sự kham nhẫn; bằng trí tuệ, bằng thiện pháp, bằng giới đức. Đó là trang điểm cho đời sống tâm linh.

Điều thứ ba được Đức Phật nhắc đến trong đoạn Kinh này về điểm tựa của nữ nhân là con cái. Thường thì khi người nữ có con rồi thì họ thương con của mình sanh ra hơn là thương mẹ, vì người con là sản phẩm, là bóng dáng, công trình, là tác phẩm của họ. Chúng ta sinh ra là đã có cái tâm vô ơn, quên cội nguồn rồi. Ta vẫn là thương con mình hơn là thương người sinh ra mình, nhưng đã là Phật tử thì quý vị nên nhớ là ai giúp mình cái gì thì phải nhớ và trả ơn được thì ráng

trả trong khả năng. Tri ơn là tốt mà bước thêm bước nữa là đền ơn. Người mẹ sẵn sàng chết để mà lo cho người con. Cái lý tưởng của người mẹ là khi mình chết rồi thì con mình tiếp tục làm. Người nữ nào mà có đứa con trong gia đình bất hiếu thì khổ khủng khiếp lắm, mà có một người con có hiếu thì đó là phước của họ. Đứa con mà nó quậy có bỏ được không? Không phải không bỏ được mà khó bỏ và cũng hiếm có người mẹ nào bỏ con lắm. Con bỏ mẹ thì được chứ ngược lại thì ít có.

Vì vậy khi đã học được lời dạy của Đức Phật thì chúng ta phải làm sao khéo léo một chút, hướng dẫn con mình cho có đạo đức ngay từ nhỏ, điều này quan trọng lắm! Có dịp cho con vô chùa lễ Phật, tập cho con biết san sẻ, biết phóng khoáng, biết cung kính Tam bảo, tập cho nó có đạo đức vì khi mà nó hư rồi thì rất khó dạy.

Kể nữa, Phật nói về xu hướng của người nữ là không có kẻ thù hay là không có địch thủ. Nghĩa là người nữ có hiền đến đâu, có lành đến đâu, dễ thương đến đâu, dịu hiền đến đâu, kham nhẫn đến đâu nhưng cũng phải né mấy cái. Có những chuyện rất khó nhẫn mà trong *Kinh Tăng Chi*, *Chương Bốn Pháp*, Đức Phật cũng có nhắc đến đó là:

- Con voi đến mùa động dục: khó mà kiểm soát nó lại được.

- Con rắn mà bị đập đuôi: dù nó hiền cách mấy mà bị đập đuôi cũng tìm cách quay lại cắn.

- Ông Vua bị cướp ngôi cũng khó nhẫn nhịn mà tìm cách giành lại ngôi vị.

- Người nữ không thể chia sẻ tình cảm: các cô có giác quan thứ sáu nên nhiều khi có luôn cả giác quan thứ bảy và chủ nhật luôn. Khi mà biết chồng mình có gì thì các cô sẽ tìm cách loại bỏ đối thủ. Các cô có thể sống với chồng nghèo, khổ, xấu, bệnh tật,...sao cũng được nhưng mà không bao giờ muốn chia sẻ tình cảm cho người phụ nữ khác. Dù người nữ có hiền đi nữa mà đụng đến chuyện chia sẻ tình cảm là họ không có chia sẻ. Hôm nay là mình được nghe Phật nói luôn. Trừ những trường hợp bất đắc dĩ lắm họ phải chịu đựng thế này, thế kia thôi chứ họ không bao giờ muốn chia sẻ tình cảm.

Điều cuối cùng mà Đức Phật dạy về Cứu cánh của nữ nhân là tự tại, là quyền tự quyết nghĩa là luôn muốn mọi việc theo ý mình. Tức là người nữ đã muốn cái gì thì phải chiều theo ý họ. Khi một người phụ nữ về nhà chồng thì muốn cha mẹ chồng nghe lời của mình, chồng con cũng nghe theo mình, đi làm cũng muốn người trong công ty đó theo mình. Có những cái muốn nếu bất lực thì thôi, nhưng trong lòng cứ muốn như vậy đó. Bây giờ biết tánh này là của chung người

nữ chứ không có của riêng ai và Phật nói đây là dành cho số đông.

Dĩ nhiên trong cuộc sống, có người ít muốn có quyền tự quyết, người thì luôn muốn tự quyết mọi chuyện. Ít thì mình còn mừng nữa, đúng không? Không phải chuyện gì cứ muốn là được, nếu quý vị không có phước sao mà muốn được. Và giả như chúng ta tạm có được hơn những nữ nhi khác về quyền tự quyết đi chẳng nữa, nhưng khi đã học Phật Pháp rồi thì làm sao? Thì mình biết chắc những điều đó, chỉ là chúng ta đang “xài đồ cũ”, “ăn mày dĩ vãng” mà thôi; có gì đâu mà đáng tự hào hay kiêu ngạo, có phải vậy không?

Đã là Phật tử rồi, con cũng được nghe Đức Phật chỉ dạy về cái “quyền tự quyết” rồi; thay vì con sẽ muốn người này kẻ nọ phải nghe theo con nói, làm theo ý con thích thì bây giờ con không như vậy nữa. Cũng là “quyền tự quyết” đó, nhưng không phải muốn ai đó phải theo mong muốn của con nữa, mà con sẽ thực hành theo lời Phật đã dạy, con “tự bước đi, tự quyết định” số phận. Cuộc đời của con chỉ nương Pháp mà sống. Nếu chúng ta có thể thực tập như vậy, thì có phải mình sẽ rất là dễ thương hay không? Người xưa có câu: *“Sông sâu thì tĩnh lặng, lúa chín thì cúi đầu”*.

Chiều nay Thầy được mời tham dự Chương trình “Phật Giáo Và Đời Sống” của Phật Sự Online. Vì sắp tới là đến ngày vía Bồ Tát Quan Thế Âm, ngày 19 tháng 9. Nói đến hình ảnh “Mẹ Hiền Quan Âm” thì rất là thân thuộc với tất cả mọi người, từ rất xưa trong tín ngưỡng tâm linh của nhân sinh muôn loài nói chung; và trong lòng của người con gái Như Lai nói riêng. Một năm có 3 ngày vía Đức Bồ Tát Quan Thế Âm:

- Ngày 19 tháng 2 là kỷ niệm ngày Đản sanh của Bồ tát.

- Ngày 19 tháng 6 là kỷ niệm ngày Thành đạo.

- Ngày 19 tháng 9 là kỷ niệm ngày Xuất gia của Bồ tát.

• **Ngày 19 tháng 2:** số 19 có ý nghĩa là mình có 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; có 6 trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; 6 thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Mình lấy Quan Âm phải hiểu ý nghĩa này.

Khi quý vị chưa biết tu thì mình hoàn toàn dùng thức. Thức là gì? Là sự phân biệt đẹp - xấu, giàu - nghèo, cao - thấp, buồn - vui, mình gọi là sự phân biệt **nhị nguyên**. Cho nên chúng ta sống toàn bằng thức không. Bây giờ có tu tập, mình sống bằng trí tuệ. Vậy thì tổng của 6 căn, 6 trần, 6 thức là 18, và mình biết

chuyển thức phân biệt thành trí, cộng thêm một này của trí nữa là 19.

Còn con số 2 nghĩa là gì? Tức là đừng có phân biệt, vượt qua phân biệt nhị nguyên, đừng có phân biệt đẹp-xấu, cao-thấp, hoặc vượt qua thường kiến và đoạn kiến. Thì đó là ý nghĩa của 19 tháng 2. Ngày vía của Ngài cũng là một bài học cho mình.

• **Ngày 19 tháng 6** là gì? Số 19 thì chúng ta biết rồi. Còn ý nghĩa của số 6 là sao? Bồ Tát Quan Thế Âm là người đang thực hành 6 hạnh Ba-la-mật. Theo Nam truyền Phật giáo thì có 10 hạnh Ba-la-mật, còn bên Bắc truyền thì có 6 hạnh Ba-la-mật. Một vị Bồ-tát thực hành trọn vẹn sáu Ba-la-mật gồm: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ thì Ngài thành đạo.

• **Ngày 19 tháng 9:** Số 19 cũng giống như trên. Còn con số 9 thì theo người Á Đông đó là con số đẹp, trọn vẹn, đầy đủ, viên mãn. Xem phim Tề Thiên chúng ta cũng đã biết, tại sao Ngài Huyền Trang không vượt qua 80 nạn, 90 nạn hay 100 nạn mà vượt qua 81 nạn? Theo văn hóa Trung Hoa thì con số 9 là số trọn vẹn, viên mãn và con số tượng trưng cho người quân tử hay con người hoàn hảo, 9 nhân 9 là 81. Vậy để đạt được cái gì đó viên mãn, tròn đầy thì phải vượt qua rất nhiều thử thách, phải trui rèn, cố gắng vượt qua.

Còn số 9 “trọn vẹn” trong Phật Pháp biểu tượng là gì? Là quá trình, tiến trình tu tập, nói theo Tịnh Độ tông là Cửu phẩm Liên hoa; cũng chính là chín pháp Siêu thế gồm bốn Đạo, bốn Quả và Niết bàn. Sự viên tròn công hạnh ba la mật đủ đầy, y như ý nghĩa của con số 9 ấy đó chính là: để trở thành Đức Phật, trở thành một vị Thánh nhân thì phải trọn vẹn cả về trí tuệ lẫn từ bi.

Cho nên khi quý vị lạy Quan Âm không phải lạy rồi cầu là có kết quả. Không phải lạy Ngài thì sẽ giàu, cầu đẹp là được đẹp. Ngài cầm trên tay tịnh bình và cành dương liễu, với biểu tượng đó thì Tịnh là trong sạch, thanh tịnh. Vậy chúng ta làm gì để được thanh tịnh? Phải nhờ vào “giới hạnh” khi mình giữ giới, 5 hay 8 giới thì đó là thanh tịnh. Còn nước trong bình mà Bỏ tát Quan Âm cầm trên tay đó là cam lộ - là tình thương, lòng từ. Còn nhánh dương liễu tượng trưng cho hạnh nhẫn nhục, mềm dẻo. Quan Thế Âm tức quán xét âm thanh, là hạnh lắng nghe.

Vì vậy khi quý vị lạy hay niệm “Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát” là mình học hạnh lắng nghe, học hạnh từ bi, học hạnh nhẫn nhục, học hạnh giữ giới. Khi chúng ta giữ giới, nhẫn nhục, có từ tâm và biết lắng nghe thì cái nhân lành đó mới cho quả lành. Chứ không phải cầu giàu là giàu, cầu đẹp là đẹp, cầu thanh tịnh là thanh tịnh. Muốn đẹp thì phải thực hành hạnh từ bi, có nhân từ thì mới đẹp. Nếu quý vị niệm Quan

Âm, lạy Quan Âm, học theo hạnh của Ngài Quan Âm như vậy thì có cái gì là mê tín không? Muốn có cái quả lành gì đó thì phải thực tập cái nhân lành trước.

Trong nhà Phật muốn cái quả gì thì luôn luôn phải có cái nhân. Cái gì cũng có nghiệp và quả của nghiệp, có nhân có quả. Chứ không thể nào cầu một cái là có! Muốn trở thành người quân tử hay nam tử hán đại trượng phu mà mình cứ suốt ngày trang điểm, lo cho sắc đẹp của mình thì thời gian đâu mà tu, thời gian đâu mà chúng ta thực tập hạnh lành. Chăm sóc sắc đẹp là chăm sóc sắc đẹp tinh thần. Chăm sóc phương diện này hoài như vậy cũng không có đủ đâu.

7. Ba Pháp Che Dấu

“1. - Nay các Tỷ-kheo, có ba pháp này được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ. Thế nào là ba?

• *Sở hành của nữ nhân, nay các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

• *Chú thuật của Bà-la-môn, nay các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

• *Tà kiến, nay các Tỷ-kheo, được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ.*

Ba pháp này, nay các Tỷ-kheo, được che giấu khi thực hành, không có hiển lộ.

2. - *Này các Tỷ-kheo, ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

• *Vành tròn của mặt trăng, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

• *Vành tròn của mặt trời, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

• *Pháp và Luật được Thế Tôn tuyên thuyết, này các Tỷ-kheo, chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.*

Ba pháp này chói sáng, được hiển lộ, không có che giấu.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương III Pháp - Phẩm Kusiṇāra - Bài Kinh 129: Che Giấu)

Đức Phật dạy có 3 pháp được che dấu khi thực hành, không có hiển lộ, đó là:

1/ Sở hành của nữ nhân được che dấu khi thực hành. Sở hành là những việc mà mình hay làm. Dĩ nhiên không phải là che dấu tất cả, mà mình phải hiểu là những việc tế nhị được che dấu không muốn hiển lộ.

2/ Chú thuật của Bà-la-môn tức là có những câu thần chú của Bà-la-môn người ta che dấu, không có công khai, truyền rộng.

3/ Tà kiến là những cái sai lầm của mình, có ai mà muốn phơi bày cái sai, cái dở, cái hiểu lầm của mình ra ngoài đâu.

Trong **Kinh Trung Bộ, bài Kinh số 91** kể về ông Bà-la-môn già tên *Brahmayu* trú tại *Mithila* khi nghe danh tiếng của Đức Phật là **“*Bạc Ưng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn*”**. Khi nghe những danh hiệu của Ngài tốt đẹp như vậy và ông còn nghe nói Ngài có 32 tướng tốt, cho nên ông Bà-la-môn già này mới cho vị đệ tử của mình là Bà-la-môn *Uttara* đi theo dõi Đức Phật, thử coi Đức Phật có đúng như tiếng đồn tốt đẹp và Ngài có 32 tướng tốt như vậy không. Sau khi theo dõi mấy tháng trời mà chỉ thấy Đức Phật có 30 tướng, còn hai tướng còn lại không thấy. Đó là tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng. Tướng Lưỡi của Đức Phật nếu muốn, Ngài có thể liếm lên đến trán, liếm qua hai bên tai. Ngài biết người này tới không phải để nghe Pháp nên đã dùng thần thông cho ông thấy được hai tướng được giấu kín đó để giải mối nghi trong lòng. Sau đó ông *Uttara* mới về thưa lại với vị thầy của mình và vị thầy đó đến xin đánh lễ Đức Phật.

Và trong 9 ân của Đức Phật có ân đức A-la-hán, tức là Ưng Cúng, ân đức này gồm có 5 nghĩa và một trong 5 nghĩa đó là **Đức Phật không bao giờ làm điều ác nơi kín đáo**. Còn mình thì trước mọi người trang nghiêm, đĩnh đạc, dễ thương lắm, nhưng khi ở một mình, nói ác thì không phải ác, nhưng mắt oai

nghi, có người khác thì mình khác, ở một mình thì mình khác.

Có một vị Thiền sư trong quyển “Góp Nhặt Cát Đá” dạy đệ tử của Ngài là: *“Khi con ở một mình thì oai nghi của con cũng giống như đang tiếp một vị khách quý”*. Chữ không phải con đang tiếp khách thì oai nghi, nụ cười, ánh mắt, thế ngồi, uống nước, bước đi như vậy. Còn khi không có ai thì oai nghi của con lại khác đi. Dù ở một mình hay tiếp khách quý thì oai nghi đều như nhau. Đối với Đức Thế Tôn thì oai nghi của Ngài dù ở nơi kín đáo hay trước số đông Ngài cũng như vậy.

Quý Phật tử nhớ giùm Thầy, Đức Phật còn có danh hiệu là **Như Lai** (*Tathāgata*). Danh hiệu *Tathāgata* này có 8 ý nghĩa, trong đó có nghĩa là: người làm đúng như vậy, người mà hành động của họ tương hợp với lời nói và lời nói của họ tương hợp với hành động. Đây là một đức tính rất đáng khâm phục, một đức tính rất hiếm thấy nơi con người. Và Đức Phật có danh hiệu là **Như Lai** (*Tathāgata*) - nói như thế nào làm như thế ấy và làm như thế nào nói như thế ấy. Dù Ngài ở một mình hay ở trước hội chúng thì lời nói của Ngài vẫn như vậy, oai nghi cũng như vậy, không hề thay đổi. Chỉ một cái này thôi thì mình học cả đời cũng chưa xong nữa, Chúng ta thì nói cái này làm cái kia, nói cái kia làm cái nọ, mình nhảy dử lắm! Tại nơi Hương thất, Đức Phật có uống nước, nói, bước

đi ra sao thì trước số đông Ngài cũng làm y như vậy. Đó là sở hành của Đức Phật, còn sở hành của mình thì không được gì hết.

Khi nói về sở hành của nữ nhân thì có nhiều điều đa số người nữ là giấu đi, không có hiển lộ. Ở đây Phật thấy biết như vậy nên Ngài nói như vậy. Chúng ta học Phật Pháp thì mình phải có cái gan. Nếu *“không có gan rách mép, thì phải chịu vô nôi”*. Đó là hình ảnh con cá bị mắc câu. Con cá mà nó không chịu nôi cái đau rách mép thì coi như nó bị vô nôi. Hình ảnh đó cho ta học điều gì? Vị Thiền sư Hoàng Bá Hy Vận có nói:

*“Muốn thoát trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm vững giữ lập trường
Nếu chẳng một phen sương thấm lạnh
Hoa mai đâu dễ gửi mùi hương.”*

Hoa mai mà công hiến, nở đẹp trong những ngày Tết thì phải trải qua một mùa đông rất là lạnh lẽo. Cũng vậy, trong quá trình mà đại chúng tu học thì mình phải có những giai đoạn lột xác. Nghĩa là phải có những giai đoạn thử thách, phải gặp chướng ngại, phải gặp khó khăn. Có người nói cứ lai rai, không có chuyện gì hết, cứ rề rề, rồi mình nghĩ: *“Tu lai rai Như Lai cũng độ. Tu tà tà Di Đà cũng rước”* là không được. Khi chúng ta tu đúng là phải cần được gặp chướng ngại vì muốn lên lớp hay leo núi thì phải đồ

ra công sức chớ, lên lớp hai sẽ có chương ngại của lớp hai. “*Đạo cao một gang thì ma cao một tấc, đạo cao một tấc ma trong lòng ta*”, tức là lúc nào cũng gặp chương ngại hết. “*Vô ma khảo bất thành Phật đạo!*”. Nếu ai đó chỉ nghĩ tu để bình an qua ngày, muốn nhẹ nhàng một kiếp người vậy là được rồi. Thì dạ được! Kiếp này thôi đừng nói kiếp sau.

Quý vị muốn tu học có trí tuệ thì phải biết ưu tư cho những kiếp kế tiếp. Nếu có ước muốn trong cuộc đời thì Thầy ước muốn cái gì? Kiếp sau được lên cõi trời, mà lên cõi trời nào? Cõi trời cũng có nhiều cõi trời lắm. Lên cõi trời thì thứ nhất có bậc Thánh để được gặp các Ngài học tiếp; thứ hai lên đó có những bậc Thánh đã gặp được Đức Phật, các Ngài có thần thông, “năn nỉ” cho con được một lần gặp Đức Phật, dù biết đó là thần thông do các Ngài hiện ra.

Ở cõi người mình thì sắp tới trong một thời gian dài sẽ là thời kỳ Mạt Pháp, không còn Phật Pháp nữa. Nhưng có một số cõi trời hiện là bình minh Giáo Pháp, vẫn còn Phật Pháp, vẫn còn có các bậc Thánh nhân. Mà muốn lên đó không dễ đâu, quý vị phải có Bát Quan Trai giới, giữ giới thanh tịnh thì mới có vé được sanh lên cõi trời Đâu Suất, nơi mà những bậc Thánh nhân rất nhiều trên đó.

Giới Bát quan là sao? Là mình giữ giới và sống như một vị Thánh trong một ngày một đêm. Cho nên

nói bình thường chúng ta ăn một ngày 3 buổi. Trong ngày Bát Quan Trai mình chỉ ăn được một buổi trưa thôi.

Có chừng đó thôi là mình thấy trời ơi đất hỡi rồi, mới có 3 giờ chiều mà cái bụng đã kêu rộn lên. Có vị nguyện giữ giới qua 12 giờ đêm, vừa qua 12 giờ đêm là ăn bù lại liền một đĩa thịt gà. Cũng có giữ lời hứa, có uy tín, ráng giữ qua đêm. Đó chỉ mới có cái việc ăn thôi cũng đầy chướng ngại, không phải dễ đâu. Khi mà giữ đúng 8 giới như một vị Thánh: không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu. Đó mới là 5 giới, thêm 3 giới nữa gồm không ăn quá Ngọ, không trang điểm vòng hoa, trang sức, thoa vật thơm, và không nằm ngòai giường cao rộng lớn. Đó là Bát Quan Trai giới.

Đại chúng giữ trọn một ngày một đêm với cái tâm phòng hộ, tâm - quý, chánh niệm, tỉnh thức, phòng hộ 6 căn là được rất nhiều công đức bởi vì chúng ta đang tập sống đời sống của các bậc Thánh nhân mà. Và với những công đức đó mới có vé lên cõi trời. Quý vị phải nắm vững những cái này để biết mà thực tập mới đi lên được chứ. Dĩ nhiên cũng là bố thí thì cứ bố thí, tu tập thì cứ tu tập, nhưng phải có những cái mà mình thường thực tập thì chúng ta phải nắm lòng.

Nếu sở hành của nữ nhân là việc làm không hiền lộ thì sở hành của mình là gì, dù mình đang là nữ nhân? Câu hỏi này khi học giáo lý rồi thì mỗi chúng ta tự có câu trả lời cho chính mình. Quý vị phải làm gì mà không cần e ngại, không giấu kín, không sợ hãi, rụt rè? Chỉ có ánh sáng mặt trời, mặt trăng là soi sáng nơi nơi và với người con Phật dù là nam nhân hay nữ nhân thì ánh sáng “Bát Thánh Đạo” mà Phật đã dạy, chính là sở hành mà mình cần gia công bồi đắp vậy.

8. Năm Khổ Đau Riêng Biệt Của Người Nữ

“1) ...

2) -- *Này các Tỷ-kheo, có năm đau khổ riêng biệt mà người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông. Thế nào là năm?*

3) *Ở đây, này các Tỷ-kheo, người đàn bà lúc trẻ tuổi đi đến nhà chồng, không có bà con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ nhất, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu điều đó khác biệt với đàn ông.*

4) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà có kinh nguyệt. Đây là đau khổ riêng biệt thứ hai, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.*

5) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải mang thai. Đây là sự đau khổ riêng biệt thứ ba, này*

các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

6) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người đàn bà phải sanh con. Đây là đau khổ riêng biệt thứ tư, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

7) Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người đàn bà hầu hạ đàn ông. Đây là đau khổ riêng biệt thứ năm, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông.

8) Này các Tỷ-kheo, đây là năm đau khổ riêng biệt, này các Tỷ-kheo, người đàn bà phải gánh chịu, khác biệt với đàn ông”.

(Trích Kinh Tương Ưng, Thiên Sáu Xứ - Tương Ưng Nữ Nhân, Kinh Đặc Thù (Avenika)

Ở đoạn kinh trên, Đức Phật đề cập về sự khổ đau riêng biệt mà chỉ khi làm thân nữ nhân phải gánh chịu:

- Thứ nhất, tuổi trẻ về nhà chồng không có bà con.
- Thứ hai, mỗi tháng đến ngày kinh nguyệt.
- Thứ ba, người nữ mang thai.
- Thứ tư, người nữ sinh con.
- Thứ năm, người nữ thường hầu hạ đàn ông.

Thứ nhất khi tuổi trẻ về nhà chồng không có bà con. Đa phần người nữ lập gia đình có một phần sướng hay khổ là tùy thuộc vào người chồng rất nhiều. Lỡ gặp chồng bài bạc, nhậu nhẹt, vũ phu thì khổ lắm. Nhà thơ Nguyễn Bính có làm bài thơ “Lỡ Bước Sang Ngang”, về việc ngày mai chị đi lấy chồng, trong đó có câu:

*“Dù em thương chị mười phần,
Nhưng không ngăn nổi một lần chị đi”.*

Câu thơ nói lên tình cảm của người em rất thương chị, thương đến mười phần, nhưng một lần chị đi, em ngăn cũng không nổi. Tại sao? Vì đây chính là cái nghiệp của mình sẽ đưa mình đi. Ví dụ, chúng ta thương cha, thương mẹ bằng trời đi nữa, chứ đừng nói chị là mười phần, rồi với nghiệp cha mẹ mình đi, thì ta có chịu đi cùng với cha mẹ mình không? Rồi thì thương vợ, thương chồng, thương con, khi người đó khổ, khi người đó chịu một ác nghiệp nào đó, ta có chịu giùm được không? Dạ không!

Trước ngày đi lấy chồng mà vị nào nghe bài thơ này là hết muốn đi lấy chồng nữa, một bài thơ rất là Phật Pháp!

*“Thế là tàn một giấc mơ,
Thế là cả một bài thơ nào nùng!
Tuổi son má đỏ môi hồng,
Bước chân về đến nhà chồng là thôi!*

*Đêm qua mưa gió ngập trời,
Mà trong lòng chị có người đi qua.
Em về nuôi lấy mẹ già,
Đừng trông ngóng chị nữa mà uống công.
Chị giờ sống cũng bằng không,
Xem như chị đã ngang sông đắm đò”.*

(Nguyễn Bính)

Đây là câu chuyện có thật do một vị sư đã từng kể lại: Ngày xưa, có người chị sắp đi lấy chồng. Hôm trước khi về nhà chồng, lúc ăn cơm với mẹ thì người mẹ nói: “*Hôm nay con ăn với mẹ một buổi nữa rồi ngày mai con về nhà chồng. Đi lấy chồng xa biết khi nào con mới về ăn cơm với mẹ nữa*”. Nghe thế người con nói: “*Vậy thôi con ở với mẹ luôn, con không đi lấy chồng*”. Dù thương mẹ mà nhiều khi quý vị lấy chồng ở xa, cuộc sống mưu sinh, cơm áo gạo tiền, lâu lắm mới gặp cha mẹ được một lần. Thế nên người xưa có câu:

*“Má ơi đừng gả con xa
Chim kêu vượn hú, biết nhà má đâu.”*

Trong cuộc sống thế gian, hầu hết nam nữ lớn lên đều chỉ có một con đường là thành gia lập thất, trai lớn lấy vợ - gái lớn gả chồng. Nếu người nữ mà lấy được người chồng quân tử, đạo đức, trí tuệ thì từ đó cuộc đời đi lên. Học những bài Kinh hôm nay, và đặc biệt là bài Kinh nói về “Năm đau khổ riêng biệt của

người nữ”, dù là uống thuốc đắng nhưng đó là bức tranh chân thật của cuộc đời người phụ nữ. Để chúng ta biết thương cho thân phận của người nữ, mà ráng hỗ trợ nhau, giúp đỡ nhau, và ráng mà tu tập.

Cái khổ riêng biệt thứ hai của người nữ là mỗi tháng đến ngày kinh nguyệt và khi đó tính tình người nữ cũng dễ thay đổi: sáng nắng, chiều mưa, trưa lâm râm, tối giông bão. Do máu huyết thay đổi nên làm mình dễ cộc tính.

*“Đôi lúc con cũng dễ thương,
Đôi lúc con cũng ương ương, khùng khùng,
Đôi lúc con cũng từ bi,
Đôi lúc con cũng sân si bất ngờ.”*

Thứ ba, “mang thai” là nỗi khổ riêng biệt của người nữ, mà người nam không có.

Thứ tư, người nữ “sinh con”. Ngày người mẹ sinh con được ông bà xưa kể lại, thì đau đớn như là bị gãy xương sườn vậy. Ngày đó còn được gọi là “Ngày mầu thân nạn”, nên ngày mà mẹ mình gặp nạn, vượt cạn sinh mình ra, sinh tử mà vui vẻ gì mà vui cười, nhậu nhẹt? Cho nên, vào những ngày kỷ niệm chào đời của mỗi chúng ta, cũng có thể mua bánh sinh nhật rồi cùng nhau ngồi chơi gì đó. Học Phật Pháp rồi, vào ngày sinh nhật của mình, như là một cách nhắc nhở mình trả ơn cho cha mẹ, tốt nhất là cố gắng làm phước để hồi hướng cho cha mẹ, hoặc là khuyến khích,

hướng dẫn, tạo duyên cho cha mẹ làm phước, hoặc bản thân sống thật tốt để xứng đáng công mẹ sinh ra mình, chúng ta là sự tiếp nối của cha mẹ.

Thứ năm là người nữ thường phải hầu hạ đàn ông. Dĩ nhiên là đa số người nữ, chớ Đức Phật không hề nói là tất cả.

Nhìn lại năm nỗi đau khổ riêng biệt của người nữ mà Phật đã dạy trong bài Kinh này là: về nhà chồng một mình, kinh nguyệt, mang thai, sinh con, hầu hạ người nam. Mà nói đến đây, Thầy chợt nhớ đến đã từng xem trên mạng một clip mà trầm ngâm ưu tư về Phật pháp quá đỗi... Clip đó quay lại cảnh: Có một con nai lớn bị khoảng mười con chó sói rượt đến hồ nước thì nó hết chạy được. Hai cái chân sau của nó ở dưới nước, còn cái đầu ở trên. Khoảng năm con chó sói cắn cái đầu và cái miệng của con nai rồi kéo nó lên từ từ, mấy con kia cắn phần bụng, cứ cắn xé từ từ, từng miếng thịt ra, rồi moi ruột, moi gan nó ra. Con nai đau đớn, bắt lức, rồi chết đi.

Xem đến đây đại chúng thấy ngày nào mình còn luân hồi, lúc nhắm mắt, thật không biết sẽ đi về đâu. Nếu đọa xuống loài bàng sanh thì con mạnh ăn hiếp con yếu, con lớn ăn hiếp con nhỏ, và cuộc sống quanh quẩn trong việc kiếm sống, duy trì nòi giống, và đợi đến ngày chết. Còn kiếp người của mình mà không biết tu thì cũng khổ đủ thứ khổ. Nếu xuống địa ngục,

ngạ quỷ, súc sanh thì khỏi chê. Cho nên ngày nào còn luân hồi là còn hồi hộp; khổ đau có thể đến bất cứ lúc nào.

Con đòi sanh vào đồng phân thì đối với nó đồng phân là số một. Con ruồi sanh vào đồng rác thì đồng rác là số một, là bữa tiệc của nó. Con người sinh ra cũng tùy đẳng cấp, tùy sự hiểu biết. Nhiều người sinh ra cơm ngày ba bữa đủ rồi. Người khác thì ngoài cơm ngày ba bữa ra, đòi sống gia đình hạnh phúc, có vợ có chồng, có con ngoan là đủ rồi. Cũng có người có thêm cuộc sống khá giả, căn bản là đủ rồi. Nói chung, mình sinh ra ở đâu, phước mình tới đâu thì mình dính mắc, tham đắm tới đó. Con ruồi chấp vào đồng rác, con đòi chấp vào bãi phân, còn con người chấp vào tài sản, sắc đẹp, sức khỏe, của cải, trí thông minh, sự nghiệp của mình. Mỗi người tùy khả năng mà chấp dính vào. Cao hơn là dính vào cấp cao, thấp thì dính vào cấp thấp. Đắc Sơ thiên dính Sơ thiên, đắc được các tầng thiên dính các tầng thiên.

Vậy nên, lý tưởng cao nhất của đạo Phật là “Lý tưởng của sự buông bỏ” là tinh thần ly dục, buông bỏ cõi Dục giới, buông bỏ cõi Sắc giới, buông bỏ cõi Vô Sắc, các tầng thiên định; cho đến các cõi trời, cảnh giới Chư thiên là cõi lành, là sung sướng hạnh phúc nhưng rồi cũng phải bỏ, bỏ luôn cả phiền não để làm Thánh, đó là lý tưởng “Ly dục” của đạo Phật. Vì thế, khi chúng ta “Quy y Phật - Lưỡng túc tôn; Quy y Pháp

- Ly dục tôn; Quy y Tăng - Chúng Trung tôn”. Quý vị mà không có phước thì sẽ không biết đắn đo cho kiếp tương lai, sống kiếp này là đủ rồi, có một mái nhà, có sức khỏe, có vợ chồng con cái vậy là ổn, sống không phiền ai là được. Nhưng khi hiểu Phật Pháp thì mình tranh thủ tu cho mình và trợ duyên giúp người. Một trong những cái quý nhất đó là giúp người về Phật Pháp. Chúng ta giúp cho người bữa ăn, một mái ấm, thuốc chữa bệnh là tốt, nhưng giúp cho người hiểu Phật Pháp thì mới giúp cho người đi xa. Khi họ biết Phật Pháp họ mới đi xa, trong kiếp này và cả kiếp sau, họ mới có duyên lành với Phật Pháp để có đường đi lên cao nhất có thể, đó là làm Thánh.

Một người mang thân nữ có thể do duyên nghiệp nào đó, do phiền não, nhưng cũng có thể do nguyện, nguyện làm thân nữ. Nhưng nếu đã là thân nữ thì qua bài Kinh này, được sự chỉ dạy của Đức Phật, chúng ta biết Phật Pháp rồi cố gắng mà làm điều thiện nhiều nhất có thể! Chỉ có vậy mới mong chuyển được những nghiệp nhân mà mình đang gánh chịu.

9. Vì Sao Người Nữ Không Thành Tựu Tinh Túy Sự Nghiệp?

“...Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, nữ nhân không ngồi giữa trong pháp đình, không có dẫn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp?”

—*Phần nộ là nữ nhân, này Ānanda. Tật đồ là nữ nhân, này Ānanda. Xan tham là nữ nhân, này Ānanda. Ác tuệ là nữ nhân, này Ānanda. Đây là nhân, đây là duyên, này Ānanda, nữ nhân không ngồi giữa pháp đình, không có dấn thân vào sự nghiệp, không đi đến tinh túy của sự nghiệp*”.

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Bốn Pháp - Phẩm Không Hí Luận – Phần Tinh Túy Sự Nghiệp)

Đoạn Kinh này nói về sự thắc mắc đầy từ tâm của Thầy A-Nan, Thầy đã hỏi Đức Phật giúp cho người nữ vấn đề liên quan đến sự nghiệp danh thế ở đời. Có một hôm, khi Thế Tôn trú ở Kosambi, tại khu vườn Ghosita, Thầy A-Nan thưa với Đức Phật câu hỏi rằng vì sao người nữ khó thành tựu tinh túy trong sự nghiệp? Đức Phật trả lời có bốn lý do, cũng là bốn điểm yếu của nữ nhân, khiến đa phần phụ nữ khó thành tựu tinh túy sự nghiệp: do sự phần nộ; đồ kỵ; xan tham; ác tuệ.

• Phần nộ: Người nữ đa phần hay giận tức. Người nam mà đã quyết một điều gì rồi thì dù có giận họ vẫn đi tiếp, còn người nữ giận rồi thì cái này lay qua cái kia, bỏ cái tinh túy của mình. Ví dụ như khi quý vị tới một nơi nào đó, nếu ở nơi đó mà bị người nam giận thì nơi đó mình còn có thể tới lui được chứ nếu người nữ mà giận là thua luôn, không dám bén mảng tới luôn. Hoặc ví dụ khi quy y Tam Bảo (nương

tự Phật Pháp Tăng), học Pháp; nhưng nếu người nữ có giận một người kia mà người đó cũng vào đúng ngôi chùa mình đi là mình không vào chùa, bỏ học luôn. Cho nên các cô - những người phụ nữ của nhân loại hãy gắng ghi nhớ là: có giận thì cũng xác định cái gì là chánh kiến, đường hướng, lý tưởng, hoài bão của mình, giận thì giận, buồn thì buồn, khổ đau thì khổ đau, khó khăn thì khó khăn, nhưng phải mạnh mẽ đứng dậy mà đi, chứ đừng vì những thứ lật vật xung quanh mà bỏ cái chính của mình thì rất là đáng tiếc.

Đại chúng học phần này rồi thì biết là giận thì giận, nhưng giận xong thì bỏ qua, chứ đừng nên giận mà như “*viết trên đá*”. Hãy giận như “*viết trên nước*” hay tối thiểu cũng cố gắng như “*viết trên cát*” thôi. Nhiều khi mình giận rồi phán “không đội trời chung”, chết cũng không bỏ qua. Quý vị cứ tưởng như vậy là hay, nhưng thực ra mình khổ chứ ai. Đừng nên chỉ vì giận mà ảnh hưởng cả cuộc đời, tinh tú sự nghiệp của mình.

• Đồ kỵ: Đây là cái tánh phổ biến của người nữ, nhưng là Phật tử, đã học thì cố gắng đừng để dính vào cái tánh này. Người nữ thường đồ kỵ nhau về sắc đẹp; trong khi người nam chỉ cần có tài, có tiền một chút là sống cũng được, nhưng người nữ, dù giàu có bao nhiêu, giỏi giang, thông minh, nhiều bằng cấp cỡ nào mà xấu thì coi như khó sống.

Như những bài Kinh trước Đức Phật đã nói, cái cận hành của người nữ là trang điểm, luôn muốn làm đẹp. Nhưng bây giờ là Phật tử rồi, mình phải có đường thoát của mình. Chúng ta làm đẹp theo nếp sống tinh thần, làm đẹp theo nếp sống tâm linh. Dĩ nhiên, quý vị vẫn chăm chút ngoại hình trong chừng mực, căn bản nào đó, nhưng đừng quá lòe loẹt, suốt ngày trang điểm thì không được. Nếu cứ suốt ngày trang điểm, cứ chăm sóc cho cái thân thì sẽ tiếp tục làm thân nữ nữa.

Ở đây quý Phật tử rút ra bài học gì? Nếu mình thấy người khác đẹp, giàu, giỏi, khỏe, hạnh phúc... hơn mình thì mình tùy hỷ với họ, “chắc hẳn họ có cái phước gì đó.” Thay vì đố kỵ, mình học nhân lành của họ: họ đẹp là do họ ít giận, giàu sang là do bố thí vật thực, y phục, làm trang nghiêm, sạch đẹp nơi thờ Phật...; Tại sao mình không có một danh phận nào hết, đi đâu cũng bị xem thường vậy? Đó là do mình có tính đố kỵ.

Nhớ lời Phật dạy, càng đố kỵ càng hạ liệt, thấp kém. Mình muốn ngồi trên cao, muốn đứng hàng đầu mà đố kỵ, đầu hàng sự đố kỵ trong mình, với cái nhân không lành này, mình sẽ càng hạ liệt. Học xong bài này thì nhớ, chị làm được cái gì thì làm, em mừng cho chị. Nhưng giả dụ, mình vẫn còn đố kỵ với người đó thì mình ráng tu pháp tu “tránh né”. Đây là một trong “Bảy cách đoạn trừ phiền não” mà Phật đã dạy trong

Kinh Trung Bộ, để giúp chúng ta vượt qua những trở ngại bên ngoài lẫn bên trong thân tâm mình.

• Xan tham: Chính là lòng tham, quý vị để cho sự ích kỷ, nhỏ nhen, bòn xén xen vào, làm cho chúng ta không có thành tựu được những thiện pháp khác như trao ra với bàn tay rộng mở, bố thí, cúng dường, tùy hỷ...

• Ác tuệ: Người nam thường vào đạo bằng trí tuệ, bằng sự hiểu biết, người nữ vào đạo bằng niềm tin; mà Đức Phật nói *“Tin ta mà không hiểu ta chẳng khác nào phi bóng ta”*. Tin mà có trí tuệ thì gọi là chánh kiến hay chánh tín. Là người Phật tử, đại chúng “dễ dạy” chứ không “dễ dụ”. Dễ dạy là khi mình sai thì tiếp tu ý kiến rồi sửa chữa, chứ không dễ bị dụ, ai nói gì cũng nghe theo. Ai trong chúng ta cũng hay thích “nướng khoai” là “khoái nương” mà nương không đúng chỗ là tiêu luôn, là đời mình khổ lắm luôn.

Người nữ có ác tuệ là vì người nữ mạnh về niềm tin, nhưng tin mà không có trí tuệ đi cùng thì gọi là mê tín, tà kiến, còn nặng hơn nữa gọi là cuồng tín. Phật tử không nên như vậy. Đức Phật có dạy trong Kinh Kālāma là có những điều chớ vội tin dù điều đó do nhiều người nói, mình cứ nương Pháp mà tu tập.

Tóm lại, bốn điều hay bốn khuyết điểm làm cho đa phần người nữ không đạt được tinh túy trong sự nghiệp là phần nộ, đồ kỵ, xan tham, ác tuệ. Chúng ta

tự ngẫm lại xem bản thân có những điều đó không, có thì tự mình tu sửa, hoàn thiện bản thân hơn cho xứng đáng với danh ngôn “Thiện nam Tín nữ”.

10. Vì Sao Phần Lớn Nữ Nhân Sau Khi Mất Đạo Vào Khổ Cảnh?

“1. Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Anuruddha bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, với thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, con thấy phần lớn các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Do đầy đủ với bao nhiêu pháp, bạch Thế Tôn, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục?

2. - Do đầy đủ ba pháp, này Anuruddha, các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Thế nào là ba?

Ở đây, này Anuruddha, nữ nhân vào buổi sáng sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của XAN LẤN (lúc thiếu niên)

Vào buổi trưa sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của TẬT ĐỐ (lúc trung niên)

Vào buổi chiều sống ở trong nhà, tâm bị ám ảnh bởi cấu uế của DỤC THAM (lúc già).

Do đầy đủ với ba pháp này, này Anuruddha các nữ nhân, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Ba Pháp - Bài Kinh Anuruddha 1)

Thầy A-nậu-lâu-đà là bậc Đệ nhất Thiên nhân, Thầy có thể nhìn thấy cả ngàn thế giới, cả ngàn vũ trụ như lòng bàn tay. Nhìn vào lòng bàn tay mình thấy chỉ tay của mình rõ ràng như thế nào thì Thầy nhìn cả ngàn thế giới cũng rõ như vậy. Và với đệ nhất thiên nhân của mình, Thầy nhìn thấy phần lớn nữ nhân sau khi mất đọa vào cõi xấu nhiều hơn. Học đến đây đã đủ thấy sợ, nếu chúng ta không có đủ thiện nghiệp để đi lên thì điểm gốc địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chắc chắn sẽ hút mình về. Nhờ học giáo lý để chúng ta biết được mình phải tu làm sao cho mình không nằm trong phần lớn đó. Đại chúng quy y, giữ giới với năm giới hoặc tám giới, bố thí, cúng dường, hành thiền v.v... do những phước lành phát sinh sẽ giúp mình sanh Thiên. Lên cõi Trời, mình sẽ được gặp nhiều vị Thánh, được chỉ dạy mà tu tập tiếp, hoặc xin các Ngài cho thấy hình ảnh của Đức Phật vì các Ngài đã từng thấy Phật.

Bài kinh này, Ngài A-nậu-lâu-đà hỏi Đức Phật: *“Bạch Đức Thế Tôn, con thấy phần lớn nữ nhân sau khi mất đọa vào cảnh khổ nhiều hơn. Bạch Đức*

Thế Tôn vì sao vậy? Do nhân gì, duyên gì mà phần lớn nữ nhân sau khi mất lại đọa cảnh khổ như vậy?”

Đức Phật dạy 3 điều như sau:

- + *Nữ nhân tâm bị ám ảnh bởi xan lẫn.*
- + *Nữ nhân tâm bị ám ảnh bởi tật đố (đố kỵ).*
- + *Nữ nhân tâm bị ám ảnh bởi dục tham.*

Ở đời có những điều, có những cái muốn mà muốn hoài mình vẫn chưa thấy đủ đúng không? Nhưng, *“Muốn đủ liền đủ, đợi đủ tới bao giờ mới đủ? Muốn an thì liền an, chứ đợi an đến bao giờ an?”*

Cũng trong Kinh Tăng Chi, có một bài Kinh ghi lại về vị cư sĩ Hatthaka dùng Tứ Nhiếp Pháp để thu phục lòng người. Có một lần vị này đến thăm Phật trong một khu rừng vào mùa đông; vị này thấy Đức Phật ngồi trên chiếc giường đơn sơ, lấy lá cây làm nệm và chỉ mặc một tấm y mỏng. Ông xót xa cùng với lòng kính phục Thế Tôn vô bờ. Thấy ông vậy nên Phật dạy rằng: *“Khi mình chưa biết đủ thì thành Chư thiên rồi cũng không đủ. Khi mình biết đủ thì mình sẽ hài lòng với những gì mình có”*. Người Phật tử cũng vậy. Quý vị đã cố gắng làm giàu trong chánh mạng rồi mà không được thì nên hài lòng với những gì mình đang có. Tất nhiên là vẫn phải lo làm ăn, miễn là trong thiện pháp, chứ không phải nói vậy rồi buông xuôi hay có tâm đố kỵ với thành công của người khác. Như câu trả

lời của Đức Phật dạy cho Thầy A-Nan trong bài kinh số 9 ở trên: cái nhân thứ hai Phật nói trong bài Kinh này là tật đổ.

Đã là người biết tu học thì phải có cái gan dám nhận lỗi của mình. Như con cá bị mắc câu “nếu không chịu nổi nỗi đau rách mép thì phải chịu vô nôi!”. Chúng ta có thể quỳ trước Đức Phật hoặc thưa với vị Thầy mình tin tưởng chứng minh cho *mình*. Ví dụ: *“Con có lỗi này..., Hôm nay con thấy bạn con đi ngang, bạn con dễ thương hơn con, con nổi tâm đồ kỵ, khó chịu. Chính cái khó chịu đó sẽ khiến con trở nên hạ liệt. Nay con thấy lỗi của con. Con xin sám hối. Xin Phật chứng minh cho con. Con nguyện con không đồ kỵ nữa.”*

Nếu hôm sau quý vị lại đồ kỵ với cái khác thì lại sám hối liền. Với sức mạnh tâm linh và sự nhắc đi nhắc lại, tập tới tập lui, dần dần chúng ta sẽ ý thức được khi mình chuẩn bị có tâm đồ kỵ thì dừng lại, chứ không phải chỉ một lần sám hối là mình bỏ được tật đồ kỵ. Quý vị phải luôn tự nhắc mình: họ hơn mình là nhờ phước duyên của họ, họ có trí tuệ, siêng năng, tinh tấn...là phước phần mà họ đã tạo nhân thiện lành từ trước.

Kế tiếp, Đức Phật nói người phụ nữ hay xan lận, ích kỷ. Có nhiều loại ích kỷ: không muốn chia sẻ về tài sản, chỗ ở, hiểu biết, tình cảm, v.v... Trong những

cái ích kỷ, người nữ ích kỷ nhất về chuyện chia sẻ tình cảm vì dục phái tính là nặng nhất trong luân hồi. Cho nên trong vòng sanh tử khủng khiếp này, giờ quý vị được làm người, có trí tuệ, biết phân biệt thiện ác, mình nên lấy thân người, thân tứ đại này làm phương tiện giác ngộ để tạo thêm các công đức như trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

*“Nhu từ một đồng hoa
Những tràng hoa được kết.
Cũng vậy thân sanh tử
Làm được nhiều thiện sự”*
(*Phẩm Hoa, kệ số 53*)

Sau khi chúng ta học được những bài Kinh này, hãy tự mình tập sống với bàn tay mở rộng, trái tim hào sảng, rộng rãi, có trí tuệ. Ông bà ta có câu: “*Sống sỏi lỏi, trời cỏi ra cho. Sống so đo, trời co ro lại*”. Thật ra không có ông trời nào co lại cả, mà ý câu này là chúng ta sống phải rộng rãi chút, hào sảng chút, làm gì được thì làm, tự nhiên khi có phước thì mình làm gì cũng được thoải mái; còn sống so đo thì phước mỏng, mình sẽ thiếu thốn, khó khăn đủ thứ.

Cuộc đời này công bằng lắm. Giờ quý vị chưa làm lớn được thì mình làm việc nhỏ, chưa làm được việc vĩ đại thì mình làm những việc nhỏ với cái tâm vĩ đại. Trong tích truyện Pháp Cú có ghi lại nhiều câu chuyện như: Vị Bà-la-môn nghèo cúng dường cái áo

duy nhất trên người dân Phật, người phụ nữ cúng bát canh thịt đùi, và một người cúng Phật 8 bó hoa, ... Những vật phẩm đó có phải là đại thí không? Dù vật phẩm họ cúng so với mình không đáng là gì nhưng lớn ở đây là vì họ dám liều mạng sống mà cúng dường, là cái tâm quá tuyệt vời, quá cao thượng.

Do vậy, đại chúng phải mạnh mẽ lên, phải nhắc mình không nên đổ kỵ nữa, không tham dục nữa. Ai cũng còn tham nhưng tham trong chừng mực nào đó, đừng tham quá thành bất thiện, đừng ích kỷ mà hãy sống với tâm rộng rãi, hào sảng. Chúng ta học thì phải biết cái đường thoát cho mình, chứ số đông sao thì con cũng y vậy, thì học giáo lý để làm gì? Học phải biết tìm đường thoát, nhất là biết thương và đừng tính toán với người nghèo, không cho thêm được thì đừng có ép, không bố thí nhiều được thì để dành năm bảy đồng thỉnh thoảng cho người ta.

11. Bài Kinh Rắn Đen số 1

“229. Rắn Đen (1)

1. Đây các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm?

2. Không thanh tịnh, hôi thúi, sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm?

4. Không thanh tịnh, hôn thúi, sợ hãi rụt rè, đáng sợ hãi, làm hại bạn.

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp – Phẩm Du Hành Dài, Kinh Rắn đen 1)

Trong bài Kinh này, Đức Phật dạy về “Năm nguy hại trong con rắn đen” gồm:

- + Không thanh tịnh.
- + Hôn thúi.
- + Sợ hãi, rụt rè.
- + Đáng sợ hãi.
- + Làm hại bạn.

Cũng vậy, có “Năm nguy hại trong nữ nhân”:

- + Không thanh tịnh.
- + Hôn thúi.
- + Sợ hãi, rụt rè.
- + Đáng sợ hãi.

+ Hai bạn.

Phần “Hôi thúi” thì không riêng nữ mà cả nam cũng vậy. Khi chúng ta thấy con cóc chết, con chuột chết mấy ngày thì rất hôi thúi, và xác người còn hôi thúi hơn nữa. Dù quý vị có thương mấy đi nữa, và chẳng đợi đến mấy ngày, người thân chết đi một lúc sau là mình đã thấy sợ, không dám gần.

Có câu chuyện thời Đức Phật về một vị trưởng giả giàu có; con của ông muốn đi tu, cha mẹ cản không được, nên cho anh đi xuất gia theo Phật nhưng cứ tìm cách bắt anh về. Họ cho một cô gái rất xinh đẹp cứ đến quanh quẩn bên anh. Anh này thì lúc đầu rất ham tu nhưng cô gái cứ cận kề như vậy mãi, anh mềm lòng, định bỏ tu. Đức Phật biết nên Ngài kể với anh rằng: trong một kiếp quá khứ, anh này tới nhà một người chủ để học nghề. Khi học nghề xong, ông chủ gả con gái cho anh. Trên đường đưa vợ về thăm quê, họ gặp một đám cướp. Người chồng rất giỏi võ, đánh thắng hết đàn em. Cuối cùng chỉ còn lại tên đại ca. Hai bên ngang tài ngang sức. Trong thế trận khi hai người vào một thế khóa cân bằng, lúc này ai có vũ khí sẽ lợi thế hơn. Người chồng mới nói với vợ là đưa cho anh cây kiếm hay con dao. Trong giờ phút sinh tử đó, người vợ đến đưa vũ khí cho chồng. Nhưng khi cô vợ nhìn tên cướp, tự nhiên thương tên cướp đó liền. Vì vậy thay vì đưa vũ khí cho chồng, cô lại đưa cho tên cướp

để giết chồng mình. Thật là phũ phàng! Cô vợ trong kiếp đó là cô gái mà cha mẹ anh sai đến dụ anh bỏ tu.

Đức Phật nói với anh: “*Con nghĩ sao, đời này con được làm thân người, sáu căn đầy đủ, được gặp Phật Pháp, gặp thầy lành bạn tốt, làm người tam nhân, đầy đủ Ba-la-mật để đắc đạo, chẳng lẽ con vì một người đã từng giết con trong quá khứ mà con bỏ đi bao nhiêu cái duyên lành này sao?*”.

Qua câu chuyện này để thấy rằng kiếp người ngắn ngủi mong manh, tắt thở rồi thì là một xác thối ai cũng không dám để lâu hay đến gần.

Đức Phật dùng ví dụ về con rắn đen hôi thối đó, để chỉ rõ cho nữ nhân thấy được bộ mặt thật của kiếp sống, để mình bớt ái luyến, bớt chăm sóc chung diện không cần thiết cho túi da hôi bẩn này.

12. Bài Kinh Rắn Đen số 2

“(230) *Rắn Đen (2)*

1. - *Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen. Thế nào là năm?*

2. *Phần nộ, hiểm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn.*

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong con rắn đen.

3. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân. Thế nào là năm?

4. Phần nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn.

5. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nọc độc của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn hay tham đắm. Ở đây, này các Tỷ-kheo, lưỡi chia hai của nữ nhân là như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn nói hai lưỡi. Ở đây, này các Tỷ-kheo, nữ nhân làm hại bạn như sau: Này các Tỷ-kheo, nữ nhân phần lớn ngoại tình!

Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này trong nữ nhân.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương Năm Pháp – Phẩm Du Hành Dài, Kinh Rắn Đen 2)

Trong bài Kinh này, Đức Thế Tôn lại nói về 5 nguy hại khác trong con rắn đen là: “Phần nộ, hiềm hận, có nọc độc, lưỡi chia hai, làm hại bạn”. Sau đó, Ngài nói trong người nữ cũng có 5 nguy hại như vậy.

- Phần nộ: những bài Kinh trên mình đã tìm hiểu qua.

- Hiềm hận: người nữ mà hận ai rồi thì sao? Mình có thể tự trả lời điều này. Vậy nên, nếu có giận ai thì nên giận như cát, chẳng bao lâu sau gió thổi,

sóng biển xóa nhòa đi hết, hôm nay giận, mai bỏ. Khi quý vị giận ai đó, tôi đến ngủ không ngon. Hôm sau mệt người thì mới chợt nhớ ra: sao mình đại vậy, người ta thì ngon giấc còn mình ôm cục giận, hại sức khỏe, ngủ không được, ăn không ngon, ăn như nuốt thuốc độc. Tự hỏi lòng như vậy có đáng không?

*“Ngủ đi em, ngoài kia trời rất lạnh.
Mười ngón tay không ôm nổi muôn phiền.
Đêm hoài niệm với những gì đã cũ,
Em mệt rồi, em đáng được bình yên;*

*Ngủ đi em, đừng lo chuyện ngày mai,
Ai của ai, chẳng còn quan trọng nữa.
Tình yêu, suy cho cùng, cũng là một câu hứa,
Nên lắm người quên, em nhớ để làm gì?”.*

Đọc những vần thơ đó, có thấy mình thường đại vậy không? Khổ cỡ này còn chưa đủ sao, ôm thêm hiềm hận làm gì?

• Kế tiếp là có nọc độc: ở đây muốn nói về việc Nữ nhân phần lớn thường tham đắm. Đức Phật ví sự tham đắm như nọc độc, để nhấn mạnh cho chúng ta rằng “đời là biển khổ”, cái mà khiến con lao theo, dính chặt, và mong muốn nắm lấy đó chỉ như là giọt mật bé nhỏ, chứa đựng trên lưỡi dao sắc bén mà thôi. Vừa tham chấp ôm lấy thì liền trở thành nọc độc mà đốt cháy tâm can của con.

• Lưỡi chia hai: Nữ nhân phần lớn nói hai lưỡi. Với ý nghĩa “Nữ Lai” của Đức Phật là gì? Là nói sao làm vậy, làm sao nói vậy. Còn mình tự nhận là đệ tử của Ngài mà ở đây nói khác, ở kia nói khác, nói không đúng sự thật, nói bóng nói gió, nói “đâm bị thóc nói thọc bị gạo”. Chi vậy?

*“Lời nói không là dao
Mà cắt lòng đau nhói.
Lời nói nói không là khói
Mà mắt lại cay cay.*

*Lời nói không là mây
Mà đưa ta xa mãi.
Sao không ngồi nghĩ lại
Nói với nhau nhẹ nhàng”.*

Từ nay trở đi, đại chúng ráng tập sửa, tu cái khẩu của mình, đừng nói những lời ác độc, trừ ếm, hai lưỡi. Nó làm cho chúng ta xấu trước, mình hại người ta là mình khổ trước. Trong vòng luân hồi, ‘tội lỗi một thì đổi một triệu’. Tùy ác nghiệp, mình hại người ta 5 phút, mình trả năm kiếp, có khi trả 500 kiếp.

Người xưa có nói: “*Thiện ý một câu ấm ba đông, lời ác lạnh người sáu tháng ròng*”. Quý vị nói lời lành, người nghe ấm ba mùa đông, còn lời ác một câu mà làm người ta buồn khổ sáu tháng, thậm chí sáu năm luôn, hay chia tay nhau từ đây luôn. Nhưng sau

khi học Phật Pháp, phải cố gắng tránh, mình phải có đường thoát ra, nhất định không nói hai lưỡi, không nói xấu sau lưng vì nói như vậy là chúng ta tự làm cho mình xấu đi, tạo ác nghiệp, mất đi cái đẹp, trở nên hạ liệt, và thực sự mình có vui không?

Ông bà xưa nói: “*Nhàn cư vi bất thiện*”. Theo ngôn ngữ bây giờ là “*rảnh rỗi sinh nông nổi*”. Khi người ta rảnh rỗi, khi không gì để làm, không có gì để nói thì dễ làm điều bất thiện, dễ nói những điều bất thiện và cũng dễ suy nghĩ về điều bất thiện hơn. Một khi mà có 3, 4 người ngồi tán gẫu với nhau, dù lúc đầu là không nói xấu ai, nhưng trước sau rồi cũng nói điều bất thiện. Cho nên quý vị có học Phật Pháp rồi, mình phải có cái gan, quyết tâm đứng lên, nhất quyết không ngồi nói những điều vô ích. Mình từ chối khéo vài lần, thì người ta khỏi rủ rê nữa.

Hiện mọi người đang khỏe, còn phước thì làm gì, nói gì, nghĩ gì cũng phải có trí tuệ, biết phân biệt thiện ác, đừng làm những điều bất thiện, đừng nói những điều vô bổ. Khi ngồi lại với nhau thì một là bàn luận Đạo Pháp, hai là giữ yên lặng của bậc Thánh để hành thiền. Học Phật Pháp rồi thì đại chúng biết những gì thiện lành nên làm khi ở một mình, khi có mặt người khác, khi gặp bạn, khi trong công ty, trước khi ngủ, sau khi ngủ dậy,... thì phải biết áp dụng để lúc nào cũng làm những điều có ích.

• **Làm hại bạn:** Đức Phật nói mỗi nguy hại thứ năm là **phần lớn** người nữ ngoại tình, đây cũng là cái nghiệp của nữ nhân. Quý Phật tử phải hiểu ngoại tình có nhiều cấp độ, nặng là ra hành động hay nhẹ là chỉ trong ý thức. Ở đây không phải Ngài nói xấu ai nhưng với nghiệp làm thân nữ nhân thì chúng ta dễ dính líu đến vấn đề tình cảm hơn là lý trí. Đó là quy luật sinh tồn bản năng, song cốt yếu lời Phật chỉ dạy để cho chúng ta thấy đó mà khắc chế và tự điều phục mình chuyển nghiệp để có được hướng đi, chốn về thiện lành trong tương lai.

13. Hai Điều Chưa Được Thỏa Mãn Khi Lâm Chung Của Nữ Nhân

“Có hai điều, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ. Thế nào là hai? Sự giao cấu và sanh con. Hai điều này, này các Tỷ-kheo, người phụ nữ khi lâm chung chưa được thỏa mãn, chưa được vừa đủ.”

(Trích Kinh Tăng Chi, Chương Hai Pháp, Phẩm Người)

Nghĩa là trong tâm lý người nữ khi lâm chung vẫn còn hai cái ham muốn là sự giao cấu và sinh con.

Đức Phật nói như vậy là do Ngài thấy trong chiều sâu, cái nghiệp trọng của chúng sanh, với thiên chức làm mẹ của người nữ nó tạo ra như vậy.

Đọc vào những lời Kinh này để mình bừng tỉnh và sáng mắt ra, rằng thì ngày nào còn mang thân phận nữ lưu thì biết được tiền nghiệp quá khứ của mình như lời Phật đã nói, mà siêng tu siêng học gấp bội phần, hơn cả nam nhi để mà thoát ra cái nghiệp tập căn cội “tham ái” sâu nặng của bản thân.

14. Sức Mạnh Của Nữ Sắc

“Tôi nghe như vậy:

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthi, rừng Jetavana, tại khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông như sắc người đàn bà. Nay các Tỷ-kheo, sắc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn.

- Ta không thấy một tiếng nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như tiếng người đàn bà. Nay các Tỷ-kheo, tiếng người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông. Ta không thấy một hương... một vị... một xúc nào khác, này các

Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông, như hương... vị... xúc người đàn bà. Nay các Tỷ-kheo, xúc người đàn bà xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn ông.

- Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như sắc người đàn ông. Nay các Tỷ-kheo, sắc người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.

- Ta không thấy một tiếng... một hương... một vị... một xúc nào khác. Nay các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà, như tiếng... hương... vị... xúc người đàn ông. Nay các Tỷ-kheo, xúc người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà”.

(Kinh Tăng Chi - Chương I Pháp - Phẩm Sắc – Phần Nữ Sắc)

Trên đời này không có sức mạnh nào mạnh bằng cái sắc! Với người nam thì không có sức mạnh nào thu hút bằng cái sắc của người nữ và với người nữ cũng không gì thu hút được bằng cái sắc của người nam. Đức Phật nói như vậy là vì sao? Là vì mình đang sống trong cõi Dục. Có năm dục gồm: sắc, thanh, hương, vị, xúc; và mình khó mà không dính vào những cái dục này, không nhiều thì ít thôi. Trong đó nặng nhất là dục phái tính. Ở đoạn Kinh trên, Phật đã xác nhận sự thật nơi cõi trần này thì **không hề có một trần cảnh nào mà cuốn hút đàn ông cho bằng trần**

cảnh liên hệ đến phụ nữ. Từ hình dáng, âm thanh, mùi hương và sự xúc chạm nữ nhân là điều cần cội khó thể nào gỡ bỏ của nam nhân cõi dục và ngược lại.

Chính từ nơi dục phái tính này là sợi dây gắn kết để chúng sanh gây dựng, vun bồi cho vô vàn cái tham muốn khác. Nhìn vào cuộc sống thế gian thì ai ai trong chúng ta cũng có thể thấy ra điều đó. Một bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ, ... với danh lợi sự nghiệp cao vời thì cũng là để kiếm tiền, phục vụ nuôi sống cho vợ con gia đình đó thôi. Phía sau nam nhân nào mà không có bóng hồng? Nếu không vợ không con, không gia đình thì sự nghiệp đồ sộ kia gây dựng cho ai? Vậy nên, bài Kinh này là Đức Phật chỉ thẳng vào cội gốc trầm luân khổ đau của phàm tình chúng sanh mà nói vậy.

15. Năm Sự Kiện Không Thể Có Được Ở Nữ Nhân

“Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này không xảy ra. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Người đàn ông có thể là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, sự kiện này có xảy ra.

Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo: Một người đàn ông có thể là vị Chuyển Luân Vương, sự kiện này có xảy ra.

Sự kiện này không xảy ra, này các Tỷ-kheo, không có được: Một phụ nữ có thể là vị Đế Thích (Sakka)... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này không xảy ra. Và sự kiện này có xảy ra, này các Tỷ-kheo, một người đàn ông có thể là Vị Đế Thích... là Ác Ma... là Phạm Thiên, sự kiện này có xảy ra.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương I Pháp – Phẩm Không Thể Có Được)

Trong bài Kinh này Đức Phật nói, người nữ có những trường hợp họ không thể làm được, cụ thể là có 5 trường hợp nữ nhân không thể làm được:

- Sự kiện đầu tiên đó là việc nữ nhân không thể thành tựu Phật quả chính ngay kiếp sống hiện tại đang là thân nữ. Bắt đầu chúng ta sẽ thắc mắc mà đặt câu hỏi rồi đó, ủa sao Đức Phật nói là Ngài không có phân biệt nam nữ mà sao giờ nữ không làm Phật, đúng không? Từ từ hạ hồi phân tích. Đó là sự kiện thứ nhất.

- Sự kiện thứ hai không có xảy ra, đó là làm Vua Chuyển Luân, không có Vua Chuyển Luân nào là nữ.

- Trường hợp thứ ba đó là người nữ không thể làm Vua Trời Đế Thích. Chúng ta lâu nay hay nghe Vua Trời Đế Thích, đây là vị Thiên cai quản cõi trời thứ 33, Ngài cũng là nam chứ không thể là nữ.

- Thứ tư, không có người nữ là ác ma, là thiên ma. Tuy nhiên Ma Vương có con gái, chứ còn Ma Vương phải là nam.

• Thứ năm là Phạm Thiên

Với sự kiện không thể xảy ra đầu tiên của người nữ là thành tựu Phật quả. Như chúng ta đã biết, gọi là một vị Phật Chánh Đẳng Giác, là vị không thầy tự ngộ và ngộ ra rồi, tìm ra được con đường thì vị đó được gọi là vị Phật Chánh Đẳng Giác hay A-la-hán Chánh Đẳng Giác, còn các vị Thánh đệ tử của Ngài, nghe Pháp nơi Đức Phật mà ngộ hay một vị Thánh mà ngộ đắc A-la-hán thì gọi là A-la-hán thôi chứ không được gọi là Chánh Đẳng Giác.

Ngoài ra mình hay xưng tôn là Phật Độc Giác nữa, Phật Độc Giác là một vị không thầy tự ngộ nhưng mà ngộ rồi không có dạy lại được con đường mà mình đã chứng đắc, trên không có thầy - dưới không có trò, chỉ có bạn thôi, và Phật Độc Giác chỉ thành Phật Độc Giác được trong thời kỳ không còn Giáo Pháp, mình gọi là thời kỳ Mạt Pháp, Giáo Pháp hoàn toàn biến mất, thì những vị đó mà thành đạo trong thời đó thì gọi là Phật Độc Giác.

Vậy với Đức Phật Chánh Đẳng Giác như Đức Phật Thích Ca (*Gotama Buddha*), kiếp tương lai có Đức Phật Di Lặc (*Metteyya*), trước đó là Phật Nhiên Đăng (*Dipankāra*), Phật Ca Diếp (*Kassapa*)..., thì các vị đó được gọi là Phật Chánh Đẳng Giác. Đức Phật Chánh Đẳng Giác hay Phật Độc Giác cũng đều thành đạo trong kiếp là thân nam.

Rồi đến vị Vua Chuyển Luân, ví dụ vua thì cũng có rất nhiều vị vua, mà Vua Chuyển Luân là vị Vua cai trị bằng đạo đức; Ông lấy đạo đức để cai trị và vị Vua đó có bảy báu gồm: xe báu, ngựa báu, ngọc báu, nữ báu, tướng quân báu, cư sĩ báu, binh báu. Ngài là một vị ảnh hưởng rất là lớn trong cõi nhân loại này, nhưng vào thời Đức Phật Thích Ca thì không có Chuyển Luân Vương.

Sử Kinh ghi lại câu chuyện, vị Tỳ-kheo Bhaddajji sau khi tu hành đắc đạo, thành Thánh rồi, là bậc A-la-hán lục thông. Sau khi thỉnh Đức Phật Thích Ca về vùng quê của Thầy hoằng Pháp xong, khi mà đi lên chiếc thuyền, vị đó mới lấy ngón tay xuống móc lên một cái lâu đài, và cái lâu đài đó tiền kiếp chính là cái lâu đài của Chuyển Luân Vương sau này sẽ tự nhiên hiện lên vào thời Phật Di Lặc ra đời. Thầy Bhaddajji vào thời Phật Thích Ca đã chứng đắc Thánh quả rồi. Còn người con trai (tiền kiếp là hai cha con cúng dường cõc cho Phật Độc Giác, người cha là tiền thân của Thầy Bhaddajji) thì đến thời Đức Phật Di Lặc ra đời, sẽ làm Vua Chuyển Luân Vương. Cái lâu đài đó chỉ xuất hiện vào thời Chánh Pháp của Đức Phật Di Lặc. Sau đó thì Vua Chuyển Luân cũng đi xuất gia.

Cũng như Đức Phật Thích Ca, khi Ngài đản sanh thì có bốn hàm châu báu cùng đản sanh, cây Bô-đề đản sanh, có ngựa Kiên-trắc đản sanh,... nghĩa là có những trường hợp là cái phước của vị đó mà xuất hiện

những điều hy hữu ấy. Cho nên trong đời mình không có nói được, như bản thân mình, nói vui vui trong vòng luân hồi là mình cù bất cù bơ, phước của mình như trái nhỏ, còn những vị phước lớn như Trái đất thì khi vị đó xuất hiện sẽ có những cái xuất hiện để phục vụ cho cái nhu cầu của vị đó. Còn với phước của chúng ta thì sao? Quý vị nói được mấy người nghe? 5 - 10 người nghe, phước một chút thì 100 người nghe, vài trăm người nghe. Nhưng mà đến hôm nay có những người họ nói một câu thôi, Trái đất này, thế giới này chấn động, có không? Có những người hôm nay họ nói vài câu, ký vài cái sắc lệnh, văn bản thôi là biết bao nhiêu người bị ảnh hưởng rồi. Đó là tùy vào cái phước của vị đó, vị trí của vị đó. Có khi cả đời của mình chưa được ăn một bữa cơm no ấm đầy đủ, hoặc được một ngôi nhà căn bản, nhưng có những người một đêm ngủ khách sạn của họ có thể bằng mình làm một đời, là tùy vào phước cũ họ đã tạo xây. Cho nên Chuyển Luân Thánh Vương là một vị vua cai trị bằng đạo đức và rất có phước. Và vị vua này cũng là thân nam.

Rồi thứ ba là vua Trời Đế Thích (*Sakka*) ở cung trời thứ 33, cõi trời Tam thập tam thiên tức là cõi Đao-Lợi, trong sáu cõi trời Dục giới. Vua trời Đế Thích này là vị chứng Sơ quả đã được nhắc đến trong Kinh

Trường Bộ, Kinh Đế Thích Sở Vấn. Vị này uy y với Đức Phật và cũng là Thiên nam.

Và sau nữa là Ác ma (Ma Vương – Māra), ác ma cũng là ở cõi trời Dục giới, cõi trời thứ sáu, còn Vua Trời Đế Thích là ở cõi thứ hai, cõi Đao-Lợi; thì vị này cũng là hình tướng nam chứ không có nữ.

Thứ năm đó là Phạm Thiên, các vị Phạm Thiên sắc giới, tức là có hình sắc của Phạm Thiên cũng là hình sắc nam.

Vậy thì ở đây, vấn đề không phải là phân biệt nam nữ, mà đó là quy luật. Riêng ở cái chỗ mà thành Phật, tại sao không có người nữ thành Phật, mình nói rộng ra luôn là các nhân vật như Ác Ma, Đế Thích, Chuyển Luân Vương, Phạm Thiên, thì các vị đó trong quá trình tu đều là Bi - Trí - Dũng rất là lớn, cho nên với thân nữ thì những điều này rất là khó, nó ngược lại với thân nữ.

Ở các bài Kinh trước đại chúng đã được học về những khuynh hướng thường có ở người nữ đó là bồn sên, ích kỷ, nhỏ nhen, đố kỵ, phần nộ..., với những nghiệp chướng đó thì người nữ không thể là một trong năm nhân vật mà Đức Phật đã đề cập trong bài Kinh này. Những vị đó là phước đức ngút ngàn, nhân cách vĩ đại, rộng lớn, Bi - Trí - Dũng rộng lớn, bao la thì những cái đó có ngược với tánh nữ không? Giả dụ nếu người nữ ngay ở kiếp này mà tạo đủ đầy phước báu

để làm Chuyển Luân Vương thì kiếp sau sẽ từ thân nữ chuyển qua thân nam và là vị Chuyển Luân Thánh Vương có đủ 7 báu. Nghĩa là phải khi quý vị chuyển qua thân nam rồi mới làm, chứ thân nữ không có làm được.

Lý do thứ nhất không phải phân biệt mà đó là quy luật, tại vì những vị đó là phước đức ngút ngàn, nhân cách vĩ đại rộng lớn, bao trùm; trong khi những cái này nó ngược với tính cách của người nữ. Thứ 2, tại sao không có nữ thành Phật? Nó thuộc về vật lý, đó là trong 32 tướng tốt của Đức Phật thì có một tướng đó là tướng mã âm tàng, và tướng này tuyệt nhiên người nữ không thể nào có được.

16. Giàu – Nghèo; Đẹp – Xấu; Sang – Hèn Của Nữ Nhân

“1. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Thắng Lâm), khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi hoàng hậu Mallikā đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, hoàng hậu Mallikā bạch Thế Tôn:

*- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít**?*

- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, dáng hạ liệt, **nhưng giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**?

- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc đẹp**, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, tuy vậy **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít**?

- Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây một số nữ nhân, **dung sắc đẹp**, được ưa nhìn, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, **giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**?

2.- Ở đây, này Mallikā, có hạng nữ nhân **phần nộ**, nã hại nhiều, tuy bị ít nói, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Người này **không bố thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; **tánh tình keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, thì **ganh tỵ**, tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tại đây, tái sanh hạ liệt, **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu,

hình dáng hạ liệt, **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít**.

3. Ở đây, này Mallikā, có nữ nhân **phẫn nộ**, náo hại nhiều, tuy bị ít nói, liền nổi nóng, nổi giận, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Người này **bố thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình **không keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, thì **không ganh tỵ**, tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tại đây, tái sanh , **dung sắc xấu**, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nhưng **giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**.

4. Ở đây, này Mallikā, có nữ nhân **không phẫn nộ**, náo hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi nóng, không có nổi giận, không nổi sân, không sùng sộ, không gây hấn, không biểu lộ phẫn nộ, không sân hận, không bất mãn. Người này **không bố thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình **keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, thì **ganh tỵ**, tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đây, tái sanh **dung sắc đẹp**, sắc đẹp tốt, tịnh

*tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, nhưng **nghèo khổ**, tài sản ít, sở hữu ít, **ảnh hưởng uy tín ít**.*

5. Ở đây, này Mallikā, có hạng nữ nhân **không phần nộ**, náo hại không nhiều, tuy bị nói nhiều, không có nổi nóng, không có nổi giận, không nổi sân, không sùng sộ, không gây hấn, không biểu lộ phần nộ, không sân hận, không bất mãn. Người này **bổ thí** cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương, phấn sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc; tánh tình **không keo kiệt**; thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tôn kính, đánh lễ, cúng dường, **không ganh tỵ**, tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ. Người ấy, sau khi từ bỏ đời này, trở lui lại trạng thái này, tại đấy, tái sanh **dung sắc đẹp**, sắc đẹp tốt, tịnh tín, thành tựu với dung sắc thù thắng, **giàu sang**, tài sản lớn, sở hữu lớn, **uy tín ảnh hưởng lớn**.”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương IV Pháp - Phần Đại phẩm - Kinh Mallika)

Bài Kinh này nói về sự giàu nghèo, đẹp xấu, sang hèn của nữ nhân.

Tại sao có nữ nhân nghèo, nữ nhân giàu có, lại có người đẹp, người xấu. Quý vị mà vừa giàu vừa đẹp vừa sang nữa thì phước lắm, nhưng có những người nữ giàu nhưng không có đẹp; có những người nữ đẹp nhưng không có giàu; có những người nữ đẹp không

có giàu nhưng được uy tín sang trọng cao sang. Vậy là có những cái phước gì đó ở phía sau.

Và ở đây Đức Phật dạy cho Hoàng hậu Mạt-Lợi (*Mallikā*). Cô chính là cô gái có một lần đang đi chơi trong rừng với người cùng làng, cô cúng cho Đức Phật những bát cháo, cúng xong Phật cười; Ngài A Nan hỏi vì sao Phật cười, Đức Phật nói chiều nay Mạt-Lợi làm hoàng hậu. Trong chiều hôm đó, Vua Ba-Tu-Nặc (*Pasenadi*) sau khi đánh trận về gặp được Mạt-Lợi nên thương nàng và đem nàng vào cung, phong làm hoàng hậu ngay trong ngày hôm đó. Ở đoạn Kinh này, Mạt-Lợi đã hỏi Đức Phật do nhân duyên gì mà có một số nữ nhân dung sắc xấu, sắc đẹp xấu, hình dáng hạ liệt, nghèo khổ tài sản ít, sở hữu ít, ảnh hưởng uy tín ít. Đại chúng để ý thấy ngoài đời có những trường hợp đó không? Vừa xấu, vừa hèn, rồi vừa nghèo và không có uy tín nữa. Rồi sau đó, Mạt-Lợi mới hỏi tiếp, do duyên gì có một số nữ nhân dung sắc xấu, dáng hạ liệt, nhưng giàu sang, có tài sản sở hữu lớn, có sự ảnh hưởng lớn; Lại có người nữ rất là đẹp mà lại nghèo khổ và ảnh hưởng uy tín ít? Song cũng có người đẹp toàn diện mà uy tín ảnh hưởng cũng rất lớn lao.

Cho nên khi chúng ta nghe bài Kinh này rồi thì: *“Con nhìn vào trong Kinh, rồi nhìn lại chính mình. Con thấy bao lầm lỗi của nhiều kiếp vô minh”*. Học xong thì mình biết tại sao hôm nay mình nghèo, mình xấu, sao nay mình không có uy tín, nghe bài này là

biết hết để không có than trời trách đất: “*Trời ơi tại sao con khổ thế này?*”. Tại vì sao? À là do nghiệp bất thiện nó trở chứ không có ông trời nào hết nên khỏi rêu khỏi than.

Điểm cần lưu tâm ở đây chính là câu trả lời của Đức Phật: “Ở đây này Mallikā, có hạng nữ nhân phần nộ, nảo hại nhiều, tuy bị ít nói liền nổi giận, đụng chuyện một chút liền nổi giận, nổi nóng, nổi sân, sùng sộ, gây hấn, biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn...”. Thì ở đây, trường hợp xấu, dung sắc không xinh đẹp là do có cái nhân “phần nộ” mà ra. Vậy quý vị biết sao mình xấu chưa? Do đụng chuyện là giận, đụng chuyện là quạu. “Con dạo này còn hay giận không con?” – “Dạ, dạo này con ít giận lắm, trừ những lúc con giận thôi!”. Nghe câu đầu thấy dễ thương ghê, thấy cũng được, nghe câu sau thấy trót quớt, cũng như không. Vậy để có quả đẹp là do nhân ít giận, ít phần nộ. Thầy nói sau này trên bàn trang điểm, ngoài son phấn ra thì đại chúng nhớ phải thêm trang điểm gì nữa? Đó là “ít giận”, lấy thỏi kem ghi chữ ít giận vô rồi trét lên mặt mình, kem đó tên là ít giận. Lâu lâu trét ít giận, ít giận; đụng chuyện ít giận. ít giận, xoa lên ít giận, ngoài son phấn ra xoa thêm cái đó nữa là sẽ đẹp.

Kế tiếp Phật dạy, do người này không bỏ thí cho Sa-môn, Bà-la-môn món ăn vật uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa hương phấn, sáp, giường nằm, trú xứ, đèn đuốc, tính tình keo kiệt, thì đó là nhân của nghèo. Còn

nhân của giàu có là gì? Là biết sẻ chia, biết hào sảng, biết rộng lượng và cho ra trong khả năng của mình đó là nhân của giàu. Nhưng giàu thì có nhiều kiểu giàu lắm: giàu mà không dùng được, giàu mà cô độc, giàu mà có quyền thuộc, giàu mà rất là vất vả mới giàu, giàu mà có ai để sẵn đó cho mình giàu, có những trường hợp đó không? Thừa Có!

Giàu mà cô độc là đi bố thí cúng dường mà đi có một mình, không có rủ ai hết, sau này quả nó trở giàu nhưng cô độc; đi nghe Pháp, đi tu tập mà không rủ bạn tu chúng thì sau này trên bước đường tu chỉ có một mình. Cho nên, khi chúng ta học Pháp rồi thì phải biết khuyến khích người khác cùng làm, cùng tu tập, cùng nghe Pháp, cùng hành thiền, cùng làm phước, cùng bố thí.

Về phương diện bố thí, nếu đi bố thí một mình, sau này mình giàu mà cô độc. Đi bố thí mà có khuyến khích người khác bố thí chung nữa thì sau này vừa giàu, vừa có thân quyến, có bạn bè; còn mình mời bạn bè, khuyến khích bạn bè bố thí nhưng bản thân lại không có bố thí thì sau này chúng ta có thân quyến, có bạn bè đông nhưng lại nghèo. Nhân quả là như vậy, rất công bằng.

Trường hợp có người rất giàu có nhưng không hưởng được là sao? Là do người đó có bố thí mà sanh tâm tiếc nuối; Điều này là tiếc lắm, khi đã bố thí xong

rồi thì hoan hỷ đi, tự nhiên tiếc làm chi, sau này quả giàu trở mà không có hưởng được.

Nhớ thời Đức Phật có ông đó giàu lắm, sau khi ông chết xong, tài sản xung vào công quỹ vì ông không có con trai. Đức vua cho người tới chờ, thấy gia sản quá trời mà ông mặc những bộ đồ, ăn những thức ăn, đi những chiếc xe giống như những người nghèo khổ vậy. Trong khi ông đâu có thiếu đâu, nhưng ông sống vậy đó. Lý do là trong quá khứ, ông này có cúng dường cho một vị Phật Độc Giác, nên quả trở kiếp này ông giàu có, là trưởng giả nhưng vì bố thí xong thì: “Trời ơi biết vậy không bố thí cho vị này, cho mấy người làm công ăn lợi ích hơn!” Khủng khiếp chưa? Bố thí một bữa cơm cho vị Phật Độc Giác thôi mà có phước làm trưởng giả nhiều kiếp nhưng tại vì ông tiếc cho nên dù giàu có nhưng không dùng được. Vậy nên quý vị bố thí rồi thì nên hoan hỷ với thiện pháp của mình. Tiếc của làm chi, tiếc chỉ lỗ cho mình thôi. Giàu mà không hưởng được là như vậy.

Còn giàu mà vất vả vô cùng, đến phút cuối cùng, phút 90 trọng tài chuẩn bị thổi hết giờ, bắt đầu mình mới thành công, mới xong được việc. Đó là vì do tật hay đắn đo, do dự, chậm chạp khi làm thiện Pháp. Người ta rủ mình đi bố thí, kêu hoài không đi. Khi chuẩn bị người ta kết thúc nha, thôi em đi đây, lúc đó mới nói chờ chị, cho chị ké chút phước. Thì đó là quý vị cũng làm chứ không phải không làm đâu, nhưng

sau này phút cuối nó mới trở, nhân quả nó công bằng lắm. Vì vậy, sau khi học giáo lý rồi, trong khả năng làm thì đại chúng cứ làm thiện Pháp nhanh chóng, sau này quả nó trở tron tru cho mình. Đây là những điều liên quan đến việc bố thí. Vậy tại sao có những nữ nhân giàu có và nghèo khổ, giàu có là do biết bố thí, sống hào sảng và ngược lại nghèo khổ bởi keo kiệt, ích kỷ, san tham, bòn sẻn.

Thêm trường hợp nữa, khi thấy người khác được lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường,... mà đại chúng cũng biết hoan hỷ vui theo, làm theo thì đó là nhân để có quả được uy tín cao sang. Và ngược lại khi thấy người ta thành công, được người khác thương, người khác quý kính, đánh lễ, quy phúc, tán dương,... mà mình đổ kỵ thì mình đi xuống, không được uy tín, sức ảnh hưởng lớn. Cuộc sống nó là vậy đó. Khi quý vị càng đổ kỵ với thành công của người khác là quý vị càng hạ liệt, không có uy tín gì hết tron. Đó, cho nên cái người mà tức tối, trối buộc bởi ganh tỵ thì người đó sau khi mà tái sanh lại thì thường là những người ít có uy tín lắm, hạ liệt, không có cao sang; Còn mình thấy người ta thành công mình tùy hỷ, thì đó là nhân để chúng ta có sự ảnh hưởng, có uy tín.

Bài Kinh này là Đức Phật dạy cho Mạt-Lợi bởi bà đã hỏi những câu hỏi về người nữ. Đại ý chúng ta cứ nhớ: giàu - nghèo một cặp, đẹp - xấu một cặp, uy

tín lớn và không có uy tín một cặp thì mình cứ cộng vô thôi.

Có những trường hợp giàu - nghèo, có những trường hợp giàu - đẹp, vừa giàu vừa đẹp hoặc là giàu mà không đẹp, rồi giàu mà có uy tín hoặc không có uy tín, hoặc nghèo mà đẹp hoặc vừa nghèo mà vừa xấu, vừa nghèo mà vừa không có uy tín nữa... Bây giờ đại chúng đã học rồi, thấy nhân quả có rõ ràng không? Có bàn tay của vị Thánh hay Bồ tát nào đưa cho mình, phạt mình nghèo khổ, xấu xí gì không? Không có, nhân quả trong cuộc đời là vậy. Đó là chân lý, không ai có thể ban phước giáng họa cho quý vị được. Học Phật Pháp từ bài đầu đến giờ để chúng ta thấy rõ ràng là tự mình làm thì tự mình chịu, hay phước ai nấy hưởng tội ai thì người đó gồng gánh chịu mang mà thôi. Có câu:

*“Lênh đênh trong cõi diêm phù,
Khéo tu thì nổi vụng tu thì chìm”.*

Rõ ràng là như vậy, không ai có thể xen bàn tay vô hết. Đức Phật, bậc Thánh nhân, quý Thầy chỉ là hỗ trợ thôi, việc còn lại là do chúng ta chứ sao nữa. Trợ duyên của người Thầy là hướng dẫn cho mình, việc còn lại là phải tự làm, có làm hay không là việc của cá nhân mỗi người. Nên trong Phật Pháp là như vậy đó! Hiểu được rồi, từ nay trở đi, bắt đầu chúng ta sửa từng chút, từng chút. Một kiếp người của mình thấy vậy

loay hoay nhanh lắm. Không lo tu tập chạy nước rút là không kịp.

Hôm qua, khi Thầy ra phía sau vườn ngồi, gần cây khế có cái bàn nho nhỏ; khi mà Thầy ngồi đó đang uống ly nước, tự nhiên thấy được trên cây khế có một con tắc kè từ trên, nó phóng xuống rất là nhanh, nó cũng bự bằng hai ngón tay cái. Thầy chợt nghĩ: *“Ừa con tắc kè thường nó thấy mình thì phải sợ chứ tại sao nó phóng xuống, mà nó phóng về hướng mình nữa?”* Thật ngạc nhiên khi Thầy nhìn xuống thì có con gián, mà không biết làm sao con tắc kè nó thấy được, hay thiệt! Nó phóng tới nhai con gián vô miệng rồi liền phóng ngược lại, chạy phọt lên cái cây. Cái cảnh chú tắc kè kia ăn con gián trước mặt nhanh đến nỗi Thầy cũng chưa kịp đẩy con gián đi để cứu con nó. Qua hình ảnh đó quý vị càng thấy được sự mỏng manh, bất trắc trong cuộc sống này. Nếu chúng ta thiếu phước thì sanh vào bàng sanh: mạnh hiếp yếu, lớn hiếp nhỏ, suốt ngày quanh quẩn lo sợ cái chết, tìm kiếm miếng ăn và duy trì nòi giống.

Còn luân hồi là còn hồi hộp, khổ đau vô cùng! Chúng ta sanh ra như những cái bia đang chờ mũi tên bắn vào. Những nghiệp thiện, nghiệp bất thiện nó trở lúc nào mình không thể biết trước được. Khi đủ duyên trở quả thì mũi tên “thiện” được bắn vào bia; ngược lại, quả của nghiệp bất thiện trở thì mũi tên “bất thiện” bắn vào bia, chúng ta luôn ở thế bị động! Cho nên khi

quý vị biết được Phật Pháp, dù có gặp khổ đau, trắc trở đi chăng nữa, nhưng với thân người khó được nên gắng tranh thủ làm phước cho mình. Để trong vòng luân hồi còn phước một chút, còn phước cho dù mình chưa thành Thánh, chưa chấm dứt luân hồi nhưng mà trong bước đường mình đang tu có phước xui nó cũng đỡ, chứ luân hồi mà thiếu phước là khổ khủng khiếp; Rồi mong làm sao đủ phước đi lên cõi chư Thiên, lên các cung trời để mà gặp các vị Thánh, rồi mình tu tiếp cho đến khi nào mà đắc đạo, làm Thánh thì thôi, chấm dứt luân hồi sanh tử. Chứ còn không là mong manh và hồi hộp lắm. Còn luân hồi là còn hồi hộp, chuyện gì nó cũng xảy ra, quý Phật tử nên trân quý, tận dụng những bài Pháp mà Đức Phật dạy, đâu phải lúc nào cũng có sẵn để nghe, nên khi nghe rồi đó, nhất là quý cô cần phải nghe kỹ lại để thấm thía, để xét lại mạnh yếu chỗ nào thì mình sửa đổi.

17. Nam Nữ Trói Buộc Nhau Bởi Tám Điều

“...Với tám hình tướng, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Thế nào là tám?”

- Này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân với sắc;

- này các Tỷ-kheo nữ nhân trói buộc nam nhân với tiếng cười;

- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân
với **lời nói**;

- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân
với **lời ca**;

- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân
với **nước mắt**;

- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân
với **áo quần**;

- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân
với **vật nặng**;

- này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân
với **xúc chạm**.

Với tám hình tướng, này các Tỷ-kheo, nữ nhân trói buộc nam nhân. Các loài hữu tình bị khéo trói buộc bởi các hình tướng ấy, giống như trói buộc bởi dây sập”.

**(Trích Kinh Tăng Chi - Chương VIII Pháp -
Kinh Sự Trói Buộc Của Nữ Nhân)**

Bài Kinh này Đức Phật nói đến những điều kiện mà nam nữ trói buộc nhau.

• Thứ nhất là bởi hình sắc bên ngoài tức là sắc đẹp của nữ nhân cũng là một cách trói buộc nam nhân. Nếu những ai từng đọc về chuyện Tứ Đại Mỹ Nhân

ngày xưa bên Trung Hoa gồm: Vương Chiêu Quân, Tây Thi, Điêu Thuyền, Dương Quý Phi là tứ đại mỹ nhân thì sao? Thì các cô là hồng nhan bạc phận, còn bây giờ là hồng nhan bạc triệu, hồng nhan bạc tỷ luôn chứ bạc phận gì phải không?

Vào thời Đức Phật còn tại thế cũng có nhiều vị ngay cả vị đã xuất gia cũng rất là đẹp như Tỳ-kheo-ni Liên-Hoa-Sắc (*Uppalavaṇṇā*), Tỳ-kheo-ni Da-Du-Đà-La (*Yasodharā*) hay cô nữ cư sĩ Mạt-Lợi (*Mallikā*),... có nhiều vị rất là đẹp. Cho nên quý cô hãy nhớ ghi lại câu này, đặc biệt là cô nào suốt ngày cứ buồn cứ giận:

*“Kể từ giờ em hãy thật là xinh
Rạng rỡ vui cười dù mưa hay nắng
Chẳng phải để cho người nào ngắm
Bởi thanh xuân ngắn lắm sắp qua rồi”.*

*“Viết những dòng này để xin lỗi chính tôi
Đã khóc quá nhiều vì một người không đáng
Yếu đuối quá nhiều khi người ta hờ hững
Trông đợi nhiều dù biết chẳng đến đâu”.*

Học Phật Pháp rồi là chúng ta không có để ai làm khổ đời mình hết, nhớ vậy. Mình khổ thì mình chịu, nhắm mắt rồi là lủi thủi đi trong luân hồi mình ên, dù có không sợ đi chăng nữa thì nếu chúng ta để ý chút chút thôi, như cái cảnh đêm khuya mà nghe tiếng ếch

ở ngoài nó kêu, là không biết sao, nghe cái tiếng đó thôi cũng hình dung cái cảnh luân hồi nó biền biệt, nó thăm thẳm đường nào. Giống như tiếng ếch giữa đêm khuya thanh vắng kêu thì mình cũng cô độc trong vòng luân hồi y như vậy. Cảm giác nó mịt mù, nó vời vợi, mênh mông, thăm thẳm, ... mà chúng ta thì giống như cái gì đó nhỏ nhoi giữa dòng đời, chỉ cần hình dung cái cảnh đó, sợ luân hồi thăm thẳm mênh mông, nhắm mắt chết rồi không biết làm sao...!!!

• Thứ hai, nữ nhân trói buộc nam nhân bằng tiếng cười.

Người ta hay nói câu: *“Có khi chỉ nửa nụ cười mà tôi phải mất cả đời để quên!”* Trời ơi người ta cười có một cái rồi người ta đi mất tiêu, mình cả đời mới quên được nụ cười đó. Ở đây mấy anh mà lập gia đình rồi, hỏi vì sao lập gia đình. Dạ vì bữa đó cô ấy lỡ cười với tôi, tôi khổ đến giờ, có nhiều khi cổ cười rồi trối luôn mình: *“Có cô bé nhà bên nhìn tôi cười khúc khích. Mắt khoe tròn ôi thương... thương quá đi thôi”*. Là xong! Có nhiều người cười duyên lắm nha quý vị. Cho nên trong chúng ta mà ai cười duyên quá thì đừng có trua trua nằng nằng đứng chỗ người đông đông rồi cười, mắc công có người không quên được nụ cười của mình đấy. Còn Đức Phật cười làm sao có ai nhớ không? Khi Ngài cười thì không có hờ hững như mình đâu, chỉ là ánh sáng hào quang phóng ra nơi khóe

miệng, nơi chớp răng của Ngài và Thầy A-Nan biết lúc đó là Phật cười thôi.

Trong cuộc đời của quý vị thì nước mắt - nụ cười, khổ - vui, giữa hai điều đó mình nghiệm lại thử xem cười nhiều hay khóc nhiều? Có nhiều khi mình cười, cái nụ cười đó nó cũng thấm lắm:

*“Vui là vui gượng kéo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai”.*

(Truyện Kiều, Nguyễn Du)

Cũng là cười nhưng mà đâu có vui nổi đâu, chẳng lẽ gặp người ta cứ rầu quá thì cũng không được, vui một cách gượng gạo chó lòng thì tan nát ruột gan. Có người hỏi: “Sao chị thấy em cười hoài vậy?”. Người đó trả lời một câu, thương lắm! “*Không cười em biết giấu nỗi buồn vào đâu?*”. Buồn quá mà cười gọi là buồn cười. Lại có những trường hợp người ta chua cay quá mà họ cười:

*“Cười là tiếng khóc khô không lệ
Người ta cười trong những lúc quá chua cay.”*

• Thứ ba là lời nói, vốn dĩ nữ nhi là dịu dàng nhỏ nhẹ, mà nói năng thanh tao, nhã nhặn hay cất tiếng du dương nữa là xong. Khi người nữ cất tiếng nói, mình nghe cái giọng nói đó rồi thích, đem vào tâm và rước về nhà. Thời Đức Phật có vị Thánh đệ tử *Lakuntaka Bhaddiya* được Ngài tán thán là Đệ nhất Diệu âm.

Thân tướng Thầy lùn lăm mà khi Thầy cất giọng lên thôi thì mình chỉ có xách dép mà đi theo, hạnh phúc không? Thầy nói xong là đội bàn thờ đi theo luôn, nghe Thầy nói là mềm lòng, mình đang sùng cồ, đang giận cỡ nào mà nghe Thầy ấy nói là tự nhiên tâm mình dịu lại liền. Hoặc có những vị luôn luôn nói lời ái ngữ. Vì vậy bây giờ đại chúng chửi ai thì chửi, mình xúc phạm ai thì xúc phạm, nhưng tới những vị đó thì mình không nặng lời được. Tại sao vậy? Vì những vị này quá nhiều kiếp toàn là đem lời lành đến cho người ta không, nên nhìn là không nỡ nói một câu nặng làm cho vị này phiền lòng. Do vậy mà Đức Phật mới chỉ ra điều trói buộc của nữ nhân ở đây chính là lời nói, là một cách để cho nữ nhân trói nam nhân.

- Ké nữa là lời ca, tức là giọng hát hay. Nhiều khi có người nữ ca bài đó xong là trói luôn nam nhân. Biết bao ca sĩ với những chất giọng đặc trưng của họ đã lấy đi bao nước mắt, trái tim. Có khi cả một đời của ai đó thần tượng, đeo đuổi, hy sinh tất cả chỉ vì lời ca của một nữ nhi nào đó. Từ đây chúng ta rút ra bài học gì? Cũng là lời ca đó khi cất lên, nhưng điều đó mang đến tình thương, sự sẻ chia, đồng cảm giúp người hướng thiện đi lên, đi ra; chứ không để tâm tư mình trói buộc nhau bởi những lời hát ủy mị, khiến chúng ta đi xuống.

- Nào đâu chỉ dừng lại ở giọng hát mà nữ nhân còn trói buộc nam nhân bằng nước mắt, tiếng khóc;

có khi giọt nước mắt rơi xuống một cái là bắt đầu làm cho người kia mềm lòng.

- Người nữ trói người nam bằng áo quần. Mặc quần áo đẹp cũng là một trói buộc. Quý vị xét lại xem cái này có không? Cho nên từ xưa là Đức Phật đã thấy ra điều đó. Có những lời Đức Phật dạy, nói đến một cái là trúng tim đen của mình liền, và có những cái mình chưa chấp nhận được rồi từ từ sẽ chấp nhận.

- Trói bằng vật tặng, tặng cái gì đó cũng là một cách để trói. Mỗi lần nhìn thấy cái vật đó là nghĩ đến người đó, đó là trói bằng vật tặng.

Và cuối cùng là nam nữ trói buộc nhau bằng sự xúc chạm.

Đây là tám cách mà nữ nhân trói nam nhân. Cho nên nếu mà ở một khía cạnh nào đó, ví dụ ở đời sống gia đình thì người vợ trói người chồng là một trong tám cách này. Nói rộng ra thì trong vòng luân hồi, đây là những điều mà người ta trói nhau. Chỉ một cái vòng thôi cũng đủ chết ngắt rồi, mà ở đây Đức Phật đã chỉ ra đến cả tám điều. Đây chính là mấu chốt của vấn đề.

18. Bảy Loại Vợ

(Con dâu ông Cấp-Cô-Độc không nghe lời Cha mẹ chồng)

*“...Ở đời các hạng vợ,
Được gọi vợ sát nhân,*

*Kể cả vợ ăn trộm,
 Và cả vợ chủ nhân,
 Vợ ấy không giữ giới,
 Ác khẩu và vô lễ
 Khi thân hoại mạng chung,
Bị sanh vào địa ngục.
 Ở đời các hạng vợ,
 Như mẹ, chị và bạn,
 Và người vợ được gọi,
 Là vợ như nữ tỳ,
 An trú trên giới đức,
 Khéo phòng hộ lâu ngày,
 Khi thân hoại mạng chung,
 Được sanh lên thiện thú.*

Này Sujātā, có bảy loại vợ này đối với người đàn ông. Con thuộc hạng người nào?

*- Bạch Thế Tôn, bắt đầu từ hôm nay, Thế Tôn hãy xem con là người vợ đối với chồng như **người vợ nữ tỳ.***”

(Trích Kinh Tăng Chi - Chương VII Pháp – Phẩm Không Tuyên Bố - Kinh Các Loại Vợ)

Duyên sự của bài Kinh này là do có lần trong buổi lễ trai tăng tại nhà của trưởng giả Cấp-Cô-Độc thì ai ai cũng đều ra nghinh đón và chuẩn bị vật phẩm cúng dường dâng lên Đức Phật và chư Tăng; riêng người con dâu của trưởng giả - cô Sujātā thì luôn né

mặt không tham gia và cự cãi lớn tiếng ở bên trong nên Đức Thế Tôn hỏi vì sao có lời to tiếng như vậy. Ông Cấp-Cô-Độc thưa: *“Bạch Thế Tôn, có nàng dâu Sujātā giàu có đến đây từ một gia đình giàu có. Nàng không vâng lời mẹ chồng, không vâng lời cha chồng, không vâng lời chồng, cũng không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường Thế Tôn.”* Sau đó Đức Phật gọi nàng Sujātā lại và dạy:

*“Ở đời các hạng vợ
Được gọi vợ sát nhân,
Kể cả vợ ăn trộm,
Và cả vợ chủ nhân,
Vợ ấy không giữ giới,
Ác khẩu và vô lễ
Khi thân hoại mạng chung,
Bị sanh vào địa ngục.”*

Ở đây, Đức Phật nói có những người vợ như là sát nhân, có những người vợ như ăn trộm, có những người vợ như là người chủ nhân luôn chỉ biết nói năng hung ác, vô phép tắc, chỉ như muốn xé xác người chồng; hoặc giả luôn luôn coi chồng mình là nô lệ mà mặc tình sai sử; với những người vợ như vậy thì địa ngục sẽ là chốn về của họ sau khi mạng chung. Sau đó Đức Phật mới nói tiếp:

*“Ở đời các hạng vợ,
Như mẹ, chị và bạn,*

*Và người vợ được gọi,
Là vợ như nữ tỳ,
An trú trên giới đức,
Khéo phòng hộ lâu ngày,
Khi thân hoại mạng chung,
Được sanh lên thiện thú”.*

Ở đời lại có các hạng vợ như mẹ, như chị, như bạn; có những người vợ thương chồng như con, có những người vợ thương chồng như em, có những người vợ thương chồng như bạn. Sau khi liệt kê bảy loại vợ, thì Phật hỏi nàng dâu của trưởng giả Cấp-Cô-Độc là con sẽ là ai trong số những người vợ đó. Bằng từ tâm của Ngài lan tỏa, khi được nghe dạy về sanh thú của những hạng vợ trên, thì nàng dâu Sujātā quý xuống đánh lễ sám hối và xin hứa từ nay sẽ là người vợ như nữ tỳ.

II. LỜI KẾT

Qua những bài Kinh mà Đức Phật đã dạy như trên; cho chúng ta thấy được một cách tổng quan, chân thật từ điểm yếu, sức mạnh, những đức tính cao đẹp và những khuyết điểm riêng biệt mà một người nữ đeo mang khi sanh ra ở đời. Để từ đó chúng ta sẽ rõ biết lý do nào mà ta phải mang phải thân nữ. Thứ nhất là vì phiền não mà mình làm thân nữ. Phiền não ở đây là gì? Đó chính là nội dung của bài Kinh Rắn Đen, với

bốn ác pháp gồm: Bỏn sên – Giận hờn – Đố kỵ - Ác tuệ. Nếu quý vị sống với những phiền não nhỏ nhen, bỏn sên, ích kỷ này thì kiếp sau làm thân nữ tiếp, bây giờ nữ tánh rồi, sau làm nữ tánh tiếp. Và nếu kiếp này là thân nam nhưng sống với những bất thiện pháp này thì kiếp sau nhảy qua làm thân nữ. Vậy quý vị muốn làm thân nam thì đừng sống với những cái tâm đó nữa. Đó là phải sống với tâm rộng rãi, bao dung, hào sảng, vĩ đại, hoan hỷ, tùy hỷ... thì ngược lại với những cái đó; ngược với những con rắn đen thui thì không là con rắn đen thui. Vậy thôi!

Lý do thứ hai để làm thân nữ đó chính là nghiệp, nghiệp làm thân nữ. Có thể người nữ này họ sống rất là phóng khoáng, rộng rãi bao dung lắm, vĩ đại lắm nhưng ví dụ có những lần chê bai người nữ. Như chúng ta học được trong tiền kiếp của nàng kỹ nữ Ampapālī, khi nhìn thấy có một vị trong đoàn Tỳ-kheo-ni khạc nhổ nước bọt, thì tiền kiếp của nàng Ampapālī lúc đó là một cô gái mới xúc phạm câu thế này: “*Đồ kỹ nữ, chỗ này mà cũng khạc nhổ!*”. Cô có ý xúc phạm vị Tỳ-kheo-ni là kỹ nữ nhưng không ngờ vị này đã chứng quả Thánh. Chính do sự chê bai đó mà nhiều kiếp sinh ra Ampapālī cứ làm kỹ nữ hoài. Đến thời Đức Phật Thích Ca, cô vẫn làm kỹ nữ luôn, khủng khiếp vậy đó! Cho nên, chính cái tâm chê bai, ganh ghét không ưa, không thích người nữ như vậy

mà sanh ra bao mùa thu lá rụng thì mình nữ vẫn mãi là nữ thôi.

Nếu nói về “thân nữ” thì ngoài việc do **nghiệp lực** nên có mặt nơi đời, thì còn có nhân duyên thù thắng, cao đẹp nữa đó là vì **nguyện lực** mà làm thân nữ. Kinh sách cũng đã ghi lại về cuộc đời của những bậc Thánh như Thánh Ni Da-Du-Đà-La, Thánh Ni *Bhaddā Kāpilānī* (Diệu Hiền, Mỹ Hạnh), Thánh Ni *Mahāpajāpatī Gotamī* (Di Mẫu Gotamī)...

Nhưng bây giờ nếu quý vị là nữ nhân, nhưng mình không có và cũng không ôm ấp, cuu mang những tánh xấu đó thì sao? Thì mình trở nên đẹp hơn, tốt hơn, dễ thương hơn, thành công hơn trong cuộc sống hiện tại và nhiều kiếp về sau.

*“Hoa quỳnh đẹp nhất về đêm,
Còn em đẹp nhất khi em đến chùa”.*

Hay

*“Nhân gian tô vẽ hình hài,
Em về soi lại một đài gương tâm”.*

Chính từ việc thực tập mỗi ngày theo lời dạy của Đức Phật qua những trang Kinh là tự bản thân chăm sóc, nâng cấp tâm linh tinh thần của mình đi lên.

Qua bài Kinh Mallika mà Hoàng hậu Mạt-Lợi hỏi Đức Phật vì sao có hạng người nữ giàu nghèo, đẹp

xấu, uy tín không uy tín,...Có những bài Kinh Đức Phật cũng chỉ dạy cho mình tất tần tật về phương pháp làm giàu, được xinh đẹp, có uy tín địa vị trong xã hội,... việc còn lại là quý vị tự đặt câu hỏi cho chính bản thân rằng mình “có thật sự mong muốn” những điều đó hay không mới là vấn đề. Và muốn rồi thì phải làm sao?

Trong cuộc đời của mỗi người thì ít hay nhiều chúng ta sẽ có những mẫu người lý tưởng cho mình nhìn đó noi theo. Vậy nữ nhân trong đời có ai để chúng ta lấy đó làm gương soi không? Trong bài Kinh Hy Cầu, Đức Phật có dạy là về mẫu hình người nữ cư sĩ lý tưởng đó là cư sĩ Khujjuttarā và bà Velukantakiyā - mẹ của Nanda. Ngoài ra, với những gì Thầy đã đọc trong Kinh sách và một số hiểu biết về cuộc sống thì có những điều sau đây cũng rất là “Chất”, nếu chúng ta áp dụng:

- Thứ nhất đó là **lạnh lòng**, ở đây nghĩa là “lạnh lòng bằng giá quên phái tính”. Tức là không có buồn phiền gì nữa hết trơn, thay vì mình cứ buồn phiền thân nữ thì nay không, cứ lạnh lòng bằng giá quên phái tính, cứ ráng tu tập, ráng làm thiện nghiệp, quên luôn phái tính của mình mà làm, cứ làm thiện pháp bao nhiêu thì làm, cứ ráng tu tập bao nhiêu thì tu, đủ duyên thì đắc, chưa đủ thì tu tiếp, cứ cố gắng từng ngày. Vấn đề bây giờ là thiện hay ác thôi, thiện ác là đề tài quan trọng của đời mình chứ không phải là đề tài nam nữ

nữa. Lý tưởng thứ nhất là như vậy, lạnh lùng băng giá quên phái tính.

• Thứ hai đó là nguyện, phải lập nguyện hỗ trợ cho một vị nào đó mà đắc được, làm được nên những cái việc đại sự. Thánh Ni Da-Du-Đà-La từng phát nguyện dưới chân Đức Phật Nhiên Đăng hỗ trợ cho đạo sĩ Sumedha (tiền thân của Đức Phật Thích Ca). Và trong 4 A-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp, Bà luôn theo gót chân của Đức Bồ Tát. Trong những kiếp quá khứ, Bồ Tát đã cho điều khó cho, làm điều khó làm, bỏ điều khó bỏ, chí đến cái mạng của mình nếu Bồ tát cần bỏ thí vơ cho người khác, vì hạnh nguyện Phật quả của Bồ Tát thì Bà cũng bằng lòng chấp thuận, không mảy may than phiền hay trách móc. Cái này thì khó lắm, rất là khó!

Trước khi Ni Sư Da-Du-Đà-La nhập Niết-bàn, Bà đến gặp Đức Thế Tôn, lúc này Bà đắc Thánh quả A-la-hán rồi. Bà xin sám hối với Đức Phật trong những kiếp đã qua rồi Bà mới kể lại những tiền kiếp trong trước kia của mình ra sao được ghi lại trong Tiểu Bộ Kinh, phần Thánh Nhân Ký Sự như sau:

“Bạch đáng Đại Hiền Trí, con đã bảy mươi tám tuổi. Giai đoạn cuối cùng của tuổi tác đang tiến đến. Con đã đạt đến ngay ở sườn dốc, con xin thưa rõ. Sự tiêu hoại của con đã chín muồi, mạng sống của con còn chút ít. Rồi bỏ Ngài, con sẽ ra đi. Sự nương nhờ của bản thân đã được con thực hiện. Chính ở thời

điểm cuối cùng, sự chết chặn đứng tuổi thọ. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay vào ban đêm con sẽ thành tựu Niết Bàn.

Bạch đấng Hiền Trí, (Niết Bàn) là nơi không có sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết. Bạch đấng Anh Hùng, nơi nào khi đã đi đến là không còn được nhìn thấy thì con đi đến nơi ấy. Bạch đấng Hiền Trí, cho đến nhóm người của bậc Đạo Sư ngồi chung ở nơi đây (nếu) nhận biết lỗi lầm (nào của tôi), xin quý vị hãy tha thứ ở trước mặt.

Và sau khi đã xoay vần trong vòng luân hồi, nếu có điều sai trái của con đối với Ngài, bạch đấng Đại Hùng con xin thưa rõ, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho con.”

Sau khi lắng nghe lời nói của vị ni ấy, đấng Hiền Trí Vương đã nói điều này: “Ta sẽ nói điều gì hơn về nàng là người đang đi đến Niết Bàn? Và nàng cũng nên thị hiện thân thông cho các vị hành theo Giáo Pháp của Ta được thấy. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ về Giáo Pháp cho tất cả các chúng.”

Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí, vị tỷ khuru ni Yasodharā ấy đã đánh lễ đấng Hiền Trí Vương và đã nói lời nói này: “Bạch đấng Anh Hùng, con là Yasodharā, ở tại gia là người vợ của Ngài. Được sanh ra trong gia tộc Sakya, con đã duy trì phận sự của người nữ.

Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, con là người đứng đầu, là người chủ quản tất cả. Là người có được sắc đẹp, tánh tình, và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư Thiên cũng như loài người đều quý trọng con. Con đứng đầu một ngàn thiếu nữ ở trong cung của người con trai dòng Sakya. Các cô ấy cùng vui buồn giống nhau tựa như chư Thiên ở (vườn hoa) Nandana. Con đã vượt lên trên lãnh vực dục tình, được khải định về mặt thể hình, không có người tương đương về sắc đẹp ngoại trừ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.”

“Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhân, con là Yasodharā đánh lễ ở bàn chân (Ngài). Con đã che khuất một ngàn thế giới bằng đóa sen nở rộ.”

Và sau khi hóa hiện ra vóc dáng của đấng Brahma, vị ni đã thuyết giảng Giáo Pháp về không tánh.

“Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhân, con là Yasodharā xin đánh lễ ở bàn chân (Ngài).

Bạch đấng Đại Hiện Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhân được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tự y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.”

“Sự gặp gỡ đối với chư Phật là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được Ngài nhìn thấy rõ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được con tích lũy là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài”.

"Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích làm vợ (kẻ khác) nhiều ngàn koti lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con vì sự hỗ trợ (kẻ khác) nhiều ngàn koti lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích vật thực (cho kẻ khác) nhiều ngàn koti

lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài".

"Con đã từ bỏ nhiều ngàn koti mạng sống. Con từ bỏ mạng sống của con (nghĩ rằng): 'Ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi.'

Bạch đấng Đại Hiện Trí, con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho cơ thể, nhiều vải vóc các loại, các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài.

Con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các làng, và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiện Trí, các ruộng vườn, những người con trai, và con gái là đã được dứt bỏ.

Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài".

"Về việc Ngài bảo con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khát,' con không nhìn thấy sự bất bình của con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng.

Bạch đấng Đại Hùng và con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, ở nhiều hình thức trong sự luân hồi là nhằm mục đích về Ngài.

Bạch đấng Đại Hiện Trí, đạt được sung sướng con không vui thích và không có tâm bực bội trong

những khổ đau, con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài".

"Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác (quá khứ) đã khẳng định về pháp (giải thoát), thì đáng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự Giác Ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau.

Bạch đáng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đáng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đáng Bảo Hộ Thế Gian khác.

Bạch đáng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. Con là nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật Pháp."

"Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpaṅkara đã hiện khởi.

Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vị Bà-la-môn tên Sumedha, và đã sửa soạn con đường của đáng Toàn Tri đang đi đến.

Vào thời điểm ấy, con đã là người thiếu nữ xuất thân Bà-la-môn tên Sumittā. Con đã đi đến cuộc tụ hội.

Con đã cầm tám năm hoa sen nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Sư. Con đã nhìn thấy vị ẩn sĩ được nổi bậc ở giữa đám người.

Sau khi nhìn thấy con người đang ngồi khoác áo vô cây vô cùng đáng yêu quyến rũ đang ngồi, khi ấy con đã nghĩ rằng: ‘Mạng sống của ta là có kết quả.’

Khi ấy, con đã nhìn thấy sự nỗ lực ấy của vị ẩn sĩ là có được kết quả. Do nghiệp quá khứ, tâm của con cũng đã tịnh tín vào đáng Toàn Giác.

Con đã có tâm tịnh tín hơn nữa đối với vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. (Con đã nói rằng): ‘Này vị ẩn sĩ, tôi không nhìn thấy vật nào khác nên được dâng cúng, tôi cho ông các đóa hoa.

Này vị ẩn sĩ, hãy là của ông năm năm, hãy là của tôi ba năm. Này vị ẩn sĩ, như thế sự thành tựu hãy là bằng nhau đối với mục đích giác ngộ của Ngài.”

"Sau khi cầm lấy các đóa hoa, vị ẩn sĩ ở giữa đám người đã cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ có danh tiếng vĩ đại đang đi đến nhằm mục đích giác ngộ.

Bậc Đại Hiền Trí Dīpaṅkara, đáng Đại Hùng đã nhìn thấy ở giữa đám người và đã chủ nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng rằng:

‘Này vị đại ẩn sĩ, (người nữ này) sẽ có tâm tương đương, có nghiệp tương đương, có hành động tương

đương, sẽ trở thành người vợ do nghiệp báu đối với mục đích của người.'

(Người nữ này) có dáng nhìn xinh đẹp, vô cùng đáng yêu, vui vẻ, có lời nói đáng mến, sẽ trở thành người vợ yêu quý, người thừa tự Giáo Pháp của vị (Phật) ấy.

Cũng giống như các người chủ gìn giữ cái ruộng của cái, người nữ này sẽ hộ trì như thế ấy đối với các thiện pháp.

Trong khi thương tưởng đến người đây, (người nữ này) sẽ làm tròn đủ các pháp toàn hảo, sẽ đạt được quả vị giác ngộ tương tự như con sư tử phá vỡ cái chuồng.'

Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, con đã là người có hành động như vậy.

Tại nơi ấy, con đã có tâm tịnh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy".

"Con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được.

Con đã trải qua lạc và khổ ở các cõi trời và ở loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã sanh ra trong gia tộc Sakya.

Con có sắc đẹp, có của cải, có danh vọng và giới hạnh tương tự như thế. Con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng về các điều lành.

Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hộ trợ của các pháp thế gian, và tâm bị khổ não là không có, con sống không sợ hãi.

Con đã nhàm chán các sự luân hồi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Sau khi xuất gia cùng với một ngàn người hầu cận, con không có gì.

Sau khi từ bỏ gia đình, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

Khi chưa đạt đến nửa tháng, con đã đạt được bốn Sự Thật. Nhiều người, không phải một, đem lại y phục, vật thực, thuốc men, và chỗ nằm ngồi tự như các làn sóng của biển cả. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trôi buộc như là con voi cái (đã được cỡi trôi), con sống không còn lậu hoặc.

Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

Bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật".

"Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, con nhận lãnh mọi sự thành tựu.

Nàng ấy bỏ thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị đại ẩn sĩ. Họ có sự thành tựu về bạn hữu. Vị thế Niết Bàn là không còn tạo tác.

"Quá khứ, hiện tại, và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhân, con xin đánh lễ ở bàn chân (Ngài)."

(Trích Tiểu Tụng - Thánh Nhân Ký Sự - Trưởng Lão Ni Kệ - Ký Sự về Yasodharā - TK. Indachanda Việt dịch).

• Thứ ba: nếu phải nương tựa thì phải chọn lấy “cội tùng, cội bách” cho xứng đáng mà tựa. Có nghĩa là, nếu như việc “lạnh lòng băng giá” mình không làm được; mà nguyện thì nguyện cũng không nổi, tức là mình cũng muốn tu dữ lắm, nhưng mà như những lời Kinh Đức Phật đã nói đó, thì mong muốn của nữ nhân, dù giàu nghèo đẹp xấu, cũng cần có gì? Cũng cần có một người đàn ông để mình tựa lúc vui, lúc buồn. Vậy bây giờ quý vị chưa có bỏ được những thói son, chưa bỏ được việc làm đẹp trang điểm, thì mình mong muốn có một người để tựa thì vấn đề ở đây là phải tựa thì tựa “cội tùng cội bách”, tức là nương tựa một người cho xứng đáng. Mấy cái cảnh này thì người nữ lập gia đình mà gặp một người chồng không thương,

rồi vũ phu, không thương vợ rồi thôi mà còn đánh đập, mắng nhiếc,... cái đó khổ lắm.

Vậy nên khi có học Pháp và hiểu sâu giáo lý rồi thì đại chúng cũng phải biết thương mình hơn; nếu mà nữ nhân thì phải càng thương chồng, bao nhiêu người không gặp, hôm nay mình gặp anh ấy thì phải thương chồng, giữ đúng đạo làm vợ, chu toàn bổn phận. Tuy nhiên nếu như có một cái duyên nào đó không thuận nhau, không thể sống cùng, thì phải rõ ràng để đừng có khổ hoài. Mình còn con đường phía trước mệnh môn thăm thẳm, biên biệt. Đừng có vì một giai đoạn nào đó mà khổ quá rồi tạo những ác nghiệp, mà nhất là thân người đã không được mấy mươi năm, mà khổ hoài, khóc hoài cũng không nên. Nếu xét ở với nhau được thì bỏ qua lỗi lầm rồi cố gắng nắm tay nhau bước tiếp. Còn nếu không được thì rõ ràng dừng lại để những con đường kế tiếp của mình cho nó tốt đẹp, đừng có sống trong bất thiện, trong buồn khổ hoài, thời gian nó qua nhanh lắm.

Vậy thì ở đây, điều thứ ba chính là nương cội tùng cội bách, tức là sỏi son chưa bỏ hết được, cần có một điểm tựa, một bờ vai, thì hãy lựa cái người nào cho xứng đáng. Xứng đáng ở đây, đang nói về bốn điều gồm Tín – Thí - Giới - Tuệ, đây cũng là Đức Phật đã chỉ dạy chỗ dựa cho mình luôn. Người đó phải có đức tin, có đạo đức, tâm hào sảng, trí tuệ, có chánh

kiến giống như mình, chứ không có thì uổng phí cái kiếp sống của mình.

Trên tất cả, những điều được ghi lại trong tập sách này mà Thầy gửi gắm đến quý Phật tử; cũng chỉ mong bằng tất cả tấm lòng của những người con Phật với nhau mà cùng chia sẻ lời Phật dạy đến với muôn người trong cuộc đời. Rằng thì “*đời người vô thường thoảng chốc như giọt sương mai*”, mà nhất là với những thân phận nữ lưu vốn nghiêng nặng tình cảm, sống dạt dào cảm xúc, yếu ớt, mỏng manh, thì mình biết ra những cái điểm yếu của mình là hay mềm yếu, dễ tin, dễ bị gạt gẫm.

Người ta nói, người nữ nghe làm sao lọt qua lỗ tai tức là lọt đến trái tim rồi đó. Bây giờ quý vị học Phật Pháp rồi, con là người dễ dạy chứ không phải là dễ dụ, đúng không? Lọt qua lỗ tai rồi, phải nghe coi điều đó có chánh kiến không, có đúng Pháp không mới nghe, chứ không phải là dễ dạy rồi dễ dụ là không có; dễ dạy thôi chứ không có dễ dụ, cái gì đúng Pháp thì nghe, nương Pháp mà sống.

Thầy mong sao mỗi người con gái của Đức Phật, vượt qua những trở ngại khó khăn, học và đọc những bài Kinh này sẽ có một đường hướng, một trang mới mở ra cho mình để phát triển tâm linh, càng ngày càng phát triển trong thiện Pháp. Và với hình tướng là thân nữ thì xứng đáng là hình ảnh người nữ lý tưởng, mẫu

mực những bài Kinh vừa rồi mà Thầy đã chia sẻ đến đại chúng, Thầy xin cảm ơn quý vị, chúc tất cả ngon giấc.

*“Xin khép lại những tháng ngày đau thương
Em trở về bên lời Kinh của Phật
Những giận hờn và buồn vui, tất bật
Để một lần buông xuống những niềm đau.*

*Sống hôm nay ai biết được ngày sau
Chuyện hôm nào cũng đã thành xưa cũ
Lau nước mắt em mỉm cười, làm chủ
Tự thương mình em hãy sống thật vui”.*

(Thiện Tuệ)

